CHƯƠNG BẢY

CÁC THÁNH TỬ ĐẠO GIÁO PHẬN PHÁT DIỆM

Trong số 117 Chân Phúc Tử Đạo Việt Nam được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II tuyên thánh, có một nữ thánh duy nhất, đó là thánh Anê Lê Thị Thành hay Bà Thánh Đê. Bà sinh tại làng Bái Đền (Thanh Hoá) năm 1781, nhưng đã sống tại Thôn Đông, thuộc xứ Phúc Nhạc, Giáo phận Phát Diệm. Vì vậy mà giáo hữu Phát Diệm đã tôn vinh bà là một trong số 11 vị thánh tử đạo của giáo phận. Và cũng bởi vì ngài là thánh nữ duy nhất, cho nên giáo phận dành cho ngài vị trí danh dự đặc biệt đứng đầu trong danh sách 11 vị thánh của giáo phận:

(1) Thánh Anê Lê Thị Thành (Bà Thánh Đê)

(2) Thánh Linh mục Phêrô Phanxicô Néron (Bắc)

(3) Thánh Linh mục Gioan Đạt

(4) Thánh Linh mục Lorensô Nguyễn Văn Hưởng

(5) Thánh Linh mục Phaolô Phạm Khắc Khoan

(6) Thánh Linh mục Giuse Nguyễn Đình Nghi

(7) Thánh Linh mục Phaolô Nguyễn Ngân

(8) Thánh Linh mục Martinô Tạ Đức Thịnh

(9) Thánh Thầy giảng Gioan Tẩy Giả Đinh Văn Thanh

(10) Thánh Thầy giảng Phêrô Lê Văn Hiếu

(11) Thánh Thầy giảng Phêrô Nguyễn Khắc Tự.

I. THÁNH ANÊ LÊ THỊ THÀNH (BÀ THÁNH ĐÊ)

Tiểu sử bà thánh Anê Lê Thị Thành, phụ nữ Việt Nam tử đạo duy nhất, được kể sau đây là do lời khai của hai chị em Lucia Nguyễn Thị Nụ và Anna Nguyễn Thị Nam, tức là hai cô con gái của nữ thánh, đã đệ nạp về người mẹ thân yêu trước toà án điều tra để tôn phong chân phúc, và hiện còn lưu trữ trong tập hồ sơ các vụ án của Toà Thánh.

1. Gia đình

Bà thánh Anê, quen gọi là bà thánh Đê, tên thật là Lê Thị Thành, sinh năm 1781 tại làng Bái Đền, tỉnh Thanh Hoá, cũng gọi là Gia Miêu, vì nơi đây còn bảo toàn một số cổ tích và lăng tẩm các vua chúa. Lịch sử không ghi chép quý danh hai cụ thân sinh của nữ thánh, chỉ nói trống rằng "cha mẹ nữ thánh là bổn đạo gốc giàu có" (3).

Hai cụ sinh được hai cô con gái: Lê Thị Thành (chị) và Lê Thị Thuộc (em). Theo tục lệ thời đó, bà cụ thân sinh mang tên người con út, vì vậy, dân làng cứ gọi bà cụ là "Bà Thuộc".

Vì không có con trai nối dòng, ông cụ cưới thêm bà hai, sự kiện này đã là lý do phân ly gia đình đầm ấm của nữ thánh. Ông Công Trường, em ruột cụ thân sinh, trước cảnh rối ren trong gia đình người anh và để tránh miệng đời đàm tiếu, đã khuyên bà chị dâu đem gia đình biệt xứ ra Bắc, tức là ra lập ấp tại Thôn Đông, xã Phúc Nhạc, tỉnh Ninh Bình. Hai chị em Lê Thị Thành (12 tuổi) và Lê Thị Thuộc (10 tuổi) cũng theo mẹ lên đường. Được một thời gian, ông thân sinh từ trong Thanh Hoá ra Phúc Nhạc đòi bà cụ chia con, mỗi người một đứa. Bà cụ lập luận: muốn chia thì lấy dao bổ đôi cả hai đứa con, mỗi người lấy một nửa. Nói thế, nhưng rồi bà cụ đem câu truyện trình làng. Ông xã trưởng Phúc Nhạc đã can thiệp, bắt ông cụ thân sinh phải lui về Thanh Hoá tay không.

Năm cô Lê Thị Thành lên 17 tuổi, bà cụ thân sinh lo cho con lập gia đình với cậu Nguyễn Văn Nhật, một thanh niên đạo hạnh làm nghề canh nông tại xã Phúc Nhạc. Bà sinh hạ tất cả sáu người con: hai trai, bốn gái (4). Con trai đầu lòng đạt tên là Đê, từ đó dân làng cứ gọi cha mẹ cậu là ông Đê, bà Đê.

Trong đời sống gia đình của nữ thánh Lê Thị Thành, lịch sử ghi lại 3 đặc điểm:

- *Đời sống đạo đức:* Cũng như đời sống phần đông những bậc cha mẹ, tổ tiên chúng ta, hai ông bà Nguyễn Văn Nhật và Lê Thị Thành, hiền lành, chất phác, lấy việc đọc kinh tối sáng, việc chịu khó dậy sớm đi lễ mỗi ngày và xưng tội chừng một hai tháng một lần, làm căn bản đời sống người Công giáo.

- *Giáo dục con cái:* Hàng xóm không khi nào nghe thấy hay phải chứng kiến những cảnh la ó, cãi lộn, bất hoà, không những giữa cha mẹ, mà cả với đàn con. Bà Thánh Đê dạy con học chữ Quốc ngữ, cách thưa kinh hạt, cách thức cầu nguyện, tập cho con biết xưng tội rước lễ, đến mức độ những gia đình hàng xóm cũng gửi con đến tham dự lớp giáo lý do bà tổ chức.

Lớn lên, các con được bà hiền mẫu thúc giục đi nhà thờ đọc kinh, dự lễ. Ở nhà, bà bắt con trai theo nghề nông, con gái đi chăn trâu cắt cỏ và học nghề kéo vải. Cả khi lập gia đình cho con cái rồi, nữ thánh vẫn còn lui tới, khuyên nhủ chúng kiên nhẫn làm ăn, hy sinh chịu đựng những gì vất vả và chấp nhận thử thách trong nhịn nhục, bác ái thương nhau.

Quảng đại thương người: Lịch sử còn thuật lại tất cả tài sản của gia đình gồm có "hai mẫu ruộng, một con trâu và một mẫu thổ cư". Không thuộc giai cấp giàu có phong lưu, nhưng hai ông bà rất giàu lòng bác ái; mỗi khi có người nghèo khó đến gõ cửa nhà, họ liền được tiếp đón và giúp đỡ. Đặc biệt đối với các linh mục, vì vào thời ấy các ngài hay bị lùng bắt hơn ai hết. Vào những năm bách

hại tôn giáo, hai ông bà làm sẵn một ngôi nhà riêng biệt năm gian hai chái, dành riêng cho những vị "đạo trưởng" liên tục bị truy nã.

Cũng chỉ vì bác ái thương người mà bà Lê Thị Thành đã bị "vạ lây" và sau đó đã anh dũng hy sinh mạng sống vì đức tin.

2. Bị bắt

Trong mấy năm vua Thiệu Trị cầm quyền (1840-1847), cuộc bách hại tuy có phần thuyên giảm, nhưng vẫn tiếp tục cả ở ngoài Bắc lẫn trong Nam. Ngoài Bắc, nhất là tại Giáo phận Phát Diệm, vì nơi đây có rừng núi Bạch Bát là chỗ ẩn náu rất thuận tiện trong những ngày khốn khó. Cùng một lúc sáu linh mục Việt Nam và 2 thừa sai Pháp (5) đều bị truy nã gắt gao và đều chạy về ẩn trú trong địa hạt Ninh Bình, chia nhau trong hai địa điểm, Dòng Mến Thánh Giá Yên Mô và làng Phúc Nhạc.

Việc ẩn náu của các linh mục bị bại lộ vì tên Đễ, quen giúp việc cho cha Thành, không biết vì bất mãn cá nhân hay tham tiền thưởng, anh ta mật báo cho Tổng đốc Nam Định Trịnh Quang Khanh. Tổng đốc Khanh là "con hùm xám" khét tiếng vì những bạo tàn chém giết người Công giáo, lại còn được nhà vua ban rộng quyền "quảng hành thám nã", tức là tha hồ hành động, mặc sức bắt bớ. Hơn 500 quân binh được phái về bao vây làng Phúc Nhạc. Hôm đó nhằm ngày Lễ Phục Sinh năm 1841, tất cả đàn ông phải ra "điểm mục" tại chợ xã Phúc Nhạc. Sau đó, binh lính được lệnh đi khám từng nhà. Hai Linh mục Thành và Ngân ở ngoài vòng vây, nhưng hai vị thừa sai đang bị bó chân ở trong. Cố Berneux Nhân đang dâng lễ, mặc dầu được báo tin, vẫn bình tĩnh cử hành xong thánh lễ trong nhà ông tổng Thức; sau đó được ông Thức đưa sang trốn trên nóc nhà bếp Dòng Mến Thánh Giá Yên Mô. Vì quá cập rập, cố Berneux Nhân sơ ý để thòng cái vạt áo đen ra ngoài, do đó, tất cả mưu mô bị bại lộ. Hai Nữ tu Anê Thanh và Anna Khiêm, đang núp ngoài bụi tre, chứng kiến cảnh cố Berneux bị lôi xuống,

mặt mũi lọ lem, hơn nữa còn bị còng tay, hai chị oà lên khóc, thành ra cũng bại lộ chân tướng và sau đó cũng bị bắt.

Thừa sai Galy Lý đang ẩn tại nhà ông trùm Cơ, sát cạnh nhà nữ thánh Đê, định chạy luôn từ nhà nọ sang nhà kia, vì giáo dân hoảng sợ không ai dám chứa chấp ngài tại gia. Ông trùm Cơ bày mưu kế, hai cha con liều mạng ra nấp trong cái rãnh khô nằm giữa vườn nhà bà Đê và Dòng Mến Thánh Giá Yên Mô. Trong khi đó hai mẹ con bà Đê và cô Nụ ôm những bó rơm giả vờ đem chồng lên trên. Hành động này không khỏi qua mắt bọn lính đang bao vây ở ngoài. Bà Đê tay làm, nhưng miệng thì lẩm bẩm: *"Xin cha nằm yên tại đây, chỉ còn có phép lạ mới trông cứu thoát được. Nếu chẳng may cha bị bắt, thì họ sẽ bắt luôn cả hai cha con"* (6).

Binh lính hò nhau đến bới đống rơm, bắt quả tang cố Galy-Carles Lý và ông trùm Cơ. Họ xông vào nhà nữ thánh Đê, cướp hết tiền của, đồ vật, rồi bắt luôn cả hai ông bà Đê giam tại đình làng. Ngay chiều hôm đó, đóng gông vào cổ các "tội nhân", giải về Nam Định. Gông bà Đê quá nặng, bà bị vấp ngã nhiều lần và mỗi lần như thế phải có người tới vực dậy.

Tại Nam Định, bà Thánh Đê bị giam cùng một nơi với hai Nữ tu Anê Thanh và Anna Khiêm. Cứ mỗi lần điệu ra lấy khẩu cung là ba tội nhân phải ăn mấy trận đòn, rồi bị thí dỗ bỏ đạo, đạp lên Thánh Giá. Được hỏi về truyện hai "cố Tây" xuất xứ từ đâu, bà Đê cứ một mực trả lời: *"Tôi không biết hai cố từ đâu mà tới, tôi chỉ biết rằng hai ông bị bắt trong vườn nhà tôi, do đó quan lớn bắt tôi vì cho tôi là 'oa chủ'"*. Câu hỏi có xoay chiều nào đi nữa, nữ thánh quyết tâm chỉ nói có từng ấy, chứ không chịu thêm bớt, hoặc tiết lộ điều gì liên hệ tới người thứ ba.

Còn câu truyện bị dụ dỗ đạp lên Thập Giá, bà thánh Đê thưa thay cho cả hai nữ tu, và trước sau vững vàng như sắt đá: *"Đi đạo thờ Thiên Chúa, tôi không bao giờ dám bỏ đạo của Đấng đã tạo dựng muôn loài"*. Trước khí phách của ba phụ nữ, Tổng đốc Trịnh

Quang Khanh tự cảm thấy bị lép vế, chỉ còn phương pháp cho lệnh đánh đập tàn nhẫn. Bọn lính trước còn đánh bằng roi thất phân, nhưng sau đó họ vơ cả thanh tre thanh củi đánh cho hả dạ, thân mình ba phụ nữ nhừ tử, máu me đầm đìa. Khi lết về đến trại, bà thánh Đê một mình cứ thầm thì: *"Roi vọt thật ghê gớm, vượt hẳn sức chịu đựng của con người, tuy nhiên nhờ Đức Mẹ thêm ý chí tôi không còn biết đau là gì".*

Trong cuộc tra tấn lần thứ hai, thánh Đê cùng với hai nữ tu vẫn một dạ kiên cường. Tổng đốc Khanh giở cái trò vô liêm sỉ, ra lệnh lột hết áo và đem bễ thổi lửa vào mặt và tấm thân cho bỏng da thịt, ông cho đó là một đòn chí tử làm xấu mặt cho thân phận phụ nữ. Nhưng hai nữ tu đã sẵn sàng câu trả lời đanh thép: *"Chịu thế này thì xấu hổ thật, nhưng không phải một mình chúng tôi, người đáng xấu hổ hơn chính là bà lớn ở nhà!"* Quả thật, chính "bà lớn" đã đích thân ra can thiệp, yêu cầu tổng đốc chấm dứt cái trò bỉ ổi nói trên và trả y phục lại cho hai nữ tu. Bà thánh Đê không phải chịu khổ hình này vì đã cao niên.

Lần tra tấn thứ ba: Cả ba nữ chiến sĩ Công giáo còn phải chịu một trận đòn rùng rợn vì không chịu bỏ đạo và đạp lên Thánh Giá. Một mình bà Thánh Đê, đã 60 tuổi, phải ăn một lúc 60 roi đòn tới tấp, nhưng rồi cả ba vẫn hiên ngang tuyên xưng đức tin. Uất hận quá, Tổng đốc Khanh chơi cái trò dã man sau cùng: ông cho lệnh bịt các đầu áo hai cánh tay và bịt hai ống quần ba nạn nhân, rồi thả rắn độc vào trong. Nhưng quyền phép Chúa làm, cả ba phụ nữ làm hiệu cho nhau, ngồi bất động như ba pho tượng. Vì không gặp phản ứng nào, những con rắn không làm hại ba vị. Bọn lý hình được lệnh dùng võ lực cưỡng bách ba người bước lên Thập Giá. Bà thánh Đê vừa than khóc vừa phân phô: *"Lạy Chúa, xin thêm sức cho con. Là phụ nữ yếu đuối, người ta dùng sức mạnh mà ức hiếp con, nhưng trong thâm tâm không khi nào con chối bỏ đạo thánh".* Hai nữ tu cũng một giọng cương quyết: *"Ông lớn cho lệnh lôi kéo chúng tôi như thế, tội ấy ông lớn phải mang, chứ đừng hòng chúng*

tôi bỏ đạo”. Đánh chán rồi, tổng đốc lại truyền đem ba phụ nữ về ngục. Bà thánh Đê đau quá không còn đủ sức chịu nổi, người ta phải vực về trại giam.

Cô Nguyễn Thị Nụ, con gái út của bà, đến thăm. Trước cảnh mẹ già hôm nay mình mẩy sưng bầm, những vết máu dính chặt vào quần áo đã xông mùi hôi thối, hơn nữa, mỗi lần cử động là một lần đau đớn, vì các vết máu lại nứt ra… Thấy mẹ khổ quá, cô oà lên khóc nức nở từng hồi. Nhưng vị nữ thánh cứ một vẻ bình thản: *“Con về lo lắng việc nhà cửa, còn việc mẹ thì để mẹ lo, những vết thương đây khác nào những tràng hoa Chúa kết trên mình mẹ”.* Theo lời khai của chị An, nữ tu Mến Thánh Giá được Nhà chung giao công tác thăm nom và uỷ lạo tinh thần các tù nhân, bà thánh Đê bất chấp mọi gian lao, vẫn giữ thói quen đọc kinh tối sáng, ban ngày, bà lần hạt kính Đức Mẹ và thỉnh thoảng còn ngắm Đàng Thánh Giá (7).

3. Anh hùng tử đạo

Dù sao với tuổi 60 đè nặng trên vai, nữ thánh vẫn cảm thấy sức người phàm có hạn. Với bằng ấy trận đòn, bằng ấy vết thương, con người đã mệt mỏi, sức chịu đựng mỗi ngày một thuyên giảm, khác nào chiếc đèn dầu leo lét cứ tàn dần trước ngọn gió. Mười lăm ngày trước khi lìa trần, các thứ bệnh tật sốt rét, váng đầu, chân tay bủn rủn, mê hoảng, sau cùng chứng lị đến xâu xé cái “thân tàn ma dại kia”. Nữ tu An đã hai ba lần lén đưa linh mục vào tù thăm nữ thánh và để nữ thánh có dịp xưng tội, rước lễ và như thế chuẩn bị tâm hồn sắp ra trình diện với Thiên Chúa. Ông Đê và mấy người con thay nhau đến thăm bà. Ba chị nữ tu (Anê Thanh, Anna Khiêm và chị An) không ngớt nâng đỡ tinh thần bà, thỉnh thoảng ghé sát vào tai nữ thánh thì thầm: *“Giêsu, Maria, Giuse, xin rất thánh Đức Mẹ cứu chữa linh hồn con”.* Cái gông đè nặng trên vai và cứ lúc lắc ở cổ là một chướng ngại vật chất rất lớn làm cho con người đã yếu đuối cứ lảo đảo liên tục. Ông Đê vì thương người vợ thân yêu, đã vào bẩm quan xin cho phép tháo gỡ, nhưng lời van xin của ông

không được chấp thuận. Vua quan trần gian cho đó là một chiến thắng, thắng một phụ nữ tay không, già lão, hao kiệt. Nhưng con người tử đạo đâu có chịu thua. Cái khí phách hiên ngang của nữ thánh đã biết trung thành với Chúa suốt 60 năm sống đời trần gian, nhất là nêu gương anh dũng, kiên cường đã một tháng rưỡi lao tù. Với cái khí phách đó, cái ý chí hào hùng đó, cái lý tưởng cao cả nơi một giáo dân nhà quê đó, bà thánh Đê đã minh chứng rõ rệt cho tới giờ phút sau cùng. Chính quyền trần gian cho rằng: với các khổ hình họ sẽ khuất phục được lòng can đảm con người giáo dân, nhưng đây là một ngộ nhận quá lớn. Hình khổ chỉ làm nao núng, chỉ đoạt thắng thân xác con người và cái chính sách lấy hình khổ để mong chế ngự thể xác, nói trắng ra, là bắt nạt anh em, là đàn áp, là bạo tàn. Tổng đốc Khanh ba lần đưa nữ thánh Lê Thị Thành và hai nữ tu Mến Thánh Giá ra công đường để tra tấn, để đấu lý, ba lần đã dùng tới những mưu kế xảo quyệt để hành hạ "tội nhân", nhưng cả ba lần, ông đã phải nuốt hận đầu hàng. Lịch sử còn ghi rành mạch: *"Về sau Trịnh Quang Khanh dâng sớ vào kinh rằng: ba người phụ nữ bất năng khoá, thì nhà vua giận dữ mà phạt bổng, vì ông đã phải chịu thua ba đứa đàn bà"* (8).

Thực ra, vào những giờ phút sau cùng, lời tuyên xưng của nữ thánh Lê Thị Thành, vẫn theo lịch sử, còn ghi đậm những nét vừa thanh thản, vừa mang tính chất đạo đức vượt bậc của người Công giáo trung kiên, khi tấn kịch đời sống sắp sửa hạ màn: *"Lạy Chúa, hồi xưa Chúa đã tử nạn vì con trên Thập Giá, xin tha tội con, tay Chúa quan phòng định liệu cho con thế nào, giờ đây con cúi đầu vâng theo tất cả. Lạy Chúa, con xin phó thác linh hồn con trong tay Chúa!"* (9)

Nữ thánh tắt thở trong trại giam, ngày 12-7-1841. Theo luật lệ, trước khi chôn xác, quân lính phải thấm dầu đốt vào ngón chân cái, để xem xác tội nhân có còn nhúc nhích hay không; nếu thấy không còn phản ứng, lúc đó mới xác nhận là tử thi và mới được phép mai táng. Giáo dân và gia đình ông Đê đã rước xác nữ thánh đem táng

ở Năm Mẫu. Sáu tháng sau, chị Lucia Nguyễn Thị Nụ, cô con gái út, ra Nam Định lén bốc xác mẹ đưa về táng trong phần đất của gia đình Nguyễn Văn Nhật (ông Đê) tại Thôn Đông. Tháng 4 năm 1881, cố Bản lại bốc về táng trong nhà thờ giáo xứ Phúc Nhạc chung với hài cốt bảy vị tử đạo khác.

Trong tổng số 117 Vị Thánh Tử Đạo Việt Nam, thánh Anê Lê Thị Thành là vị nữ thánh duy nhất, đại diện cho cả nữ giới Công giáo Việt Nam. Con số một, con số duy nhất trên bản danh sách 117 vị thánh, phải công nhận là con số quá ít. Theo Lm. Trần Văn Phát, trong tổng số 100.000 vị tử đạo, có tới 270 nữ tu Dòng Mến Thánh Giá và 99.182 giáo dân (10) đã bị ngã gục. Như thế, rõ ràng là còn nhiều vị nữ anh hùng tử đạo tại Việt Nam. Ngay cả trong lịch sử bà thánh Đê, từ ngày bị bắt vì tội chứa chấp "đạo trưởng", chúng ta vẫn thấy hai nữ tu Mến Thánh Giá lúc nào cũng sát cánh ở bên nữ thánh; cùng bị bắt chung trong ngày Lễ Phục Sinh năm 1841, cùng bị giam giữ trong một lao tù, cùng anh dũng chịu những lần tra tấn tàn nhẫn, sau hết còn hiện diện trong giờ phút cuối cùng để an ủi và lên tinh thần cho nữ thánh trước khi tắt thở. Rất tiếc là sau đó, khi nữ thánh đã từ trần, lịch sử tự nhiên im bặt không còn nhắc tới hai nữ tu đã can trường tuyên xưng đức tin kia nữa.

Còn lại một mình nữ thánh Anê Lê Thị Thành. Hình như Chúa quan phòng muốn tô điểm cho thật rực rỡ tấm gương duy nhất này, là vì đại diện cho toàn thể nữ giới Công giáo Việt Nam. Nữ thánh là giáo dân xuất xứ từ chỗ thôn quê, suốt đời sống cảnh chân lấm tay bùn, để phục vụ gia đình. Tuy lam lũ vất vả, nhưng không lơ là trong việc giáo dục con cái, nhất là trong nghĩa vụ phụng thờ Chúa và thương yêu những người sa cơ nghèo khổ. Bà đã tận tuỵ tham gia công tác tông đồ, hơn nữa, đã hy sinh tài sản để chung phần trong công cuộc truyền giáo. Tư cách và những việc lành trên đây là đặc tính của đại đa số các bà mẹ Công giáo Việt Nam. Là con cháu của các bà mẹ Công giáo Việt Nam, chúng ta hiên ngang vì tấm gương hào hùng của những bậc cha mẹ chúng ta. Cho dù bao

nhiêu thử thách, bao nhiêu gian truân, hình ảnh các bà mẹ Công giáo Việt Nam vẫn trong sáng, kiên cường, vẫn phản chiếu niềm tin sắt đá ấp ủ bên trong, vẫn biểu lộ lòng đạo đức sâu xa, chân thành của người mẹ hiền. Sống trong thầm lặng hy sinh, những người mẹ này tính ra tới từng trăm ngàn, từng triệu vẫn còn đang sống, khác nào từng ngàn từng vạn Anê Lê Thị Thành khác, hằng ngày chấp nhận Thánh Giá Chúa gửi trong nhẫn nhục, trong trung kiên, chấp nhận tất cả để bảo toàn nếp sống giáo dân Công giáo trung thành với Thiên Chúa, với Giáo hội, với truyền thống anh hùng tử đạo.

II. THÁNH LINH MỤC PHÊRÔ PHANXICÔ NERON BẮC (11)

Thánh Phêrô Phanxicô Néron (Bắc) sinh ngày 21-9-1818 tại Bornay, thuộc tỉnh Jura nước Pháp, trong một gia đình thuộc thành phần nông thôn nghèo túng, không có tiền cho con đi học. Do đó, cậu Néron suốt 17 năm trời phải vất vả lao động và đi chăn súc vật giúp đỡ cha mẹ.

Năm lên 19 tuổi, Néron đón cha Clément, chính xứ họ Bornay, để xin cha giúp đi học La ngữ tại Chủng viện Nozeroy và năm 1848, chẵn 30 tuổi, ngài chịu chức linh mục bởi tay Đức cha Affre, Tổng Giám mục Balê. Hai tháng sau, cha Néron đã bỏ Balê, đáp tầu đi Viễn Đông, qua ngả Hồng Kông và Ma Cao.

Tới Hà Nội ngày 28-3-1849, Đức cha Retord Liêu cho ngài vể Chủng viện Vĩnh Trị học Việt ngữ và bốn tháng sau, cha bắt đầu ra làm mục vụ tại giáo xứ Hà Nội. Sở dĩ cha Néron Bắc có liên lạc với Phát Diệm là vì năm sau (1850), cha tháp tùng Đức cha Retord Liêu về kinh lý miền Kim Sơn (tức Giáo phận Phát Diệm ngày nay), mở tuần đại phúc trong nhiều địa hạt. Chỉ trong một tháng, ngài tính sổ đã giải tội 1.000 lần, phần nhiều về ban đêm.

Lịch sử còn kể lại, năm 1850, cả Bắc Việt bị nạn dịch tả ghê gớm. Đức cha Retord Liêu đoán chừng hai triệu người đã chết, trong số đó chừng 10.000 giáo dân. Đầu tiên là hạn hán, rồi đến bão lụt làm tiêu tan hết những gì là sản xuất ở miền quê. Đói khát, mất mùa, dân chúng nheo nhóc chạy vào Nhà chung xin giúp đỡ. Cha Néron Bắc sau này (30-4-1853) tường thuật: *"Cả ba làng bên lương đến xin học đạo và rửa tội. Lẽ cố nhiên lời thỉnh nguyện của họ không phải hoàn toàn vô tư, nhưng trong số đó, ít ra chừng 200 người lớn sẽ lãnh ơn thanh tẩy"* (12).

Cha Phêrô Phanxicô Néron Bắc bị bắt, rồi bị xử tại pháp trường Sơn Tây ngày 03-11-1860 và xác ngài được an táng trong nhà thờ xứ Bạch Lộc. Người ta kể, hôm xử cha hánh, trời thanh quang mát mẻ, nhưng vào lúc thi hành bản án, ngay khi đầu cha thánh Néron Bắc rơi xuống, một cơn giông tố bất thần thổi mạnh và một trận mưa rào như thác đổ. Người bên lương đều tin: "Tại vì ông cố Tây này sống đời độc thân tốt lành mà bị xử bất công, làm cho trời đất cũng rung chuyển" (13).

III. THÁNH LINH MỤC GIOAN ĐẠT (14)

Thánh Gioan Đạt, sinh năm 1765 ở làng Khê Cầu, huyện Bình Lục, xứ Đồng Chiếu, tỉnh Hà Nam. Số mệnh người vất vả vì cụ thân sinh mất sớm và gia đình thì nghèo khó.

Tuy nhiên, Chúa bù lại cho. Là con nhà gia giáo, từ nhỏ, chú Đạt có tính nết hiền lành và được mẹ thương yêu. Về sau lớn lên, chú Đạt bao nhiêu lần ngỏ ý xin mẹ đi dâng mình trong Nhà Chúa, bà cụ nằng nặc từ chối. Thấy con xin mãi, bà cụ sợ rằng, nếu cứ ngăn cản sẽ làm mất lòng Chúa. Cuối cùng, bà cụ chiều ý và dẫn con vào dâng cho cha già Loan, chính xứ Đồng Chuối. Cha chính xứ có nhận xét chính xác, thấy chú Đạt có nhiều tư cách tốt, nên năm chú lên 18 tuổi (1783), cha cho chú vào chủng viện học tiếng La tinh, là ngôn ngữ chính thức và bắt buộc cho những ai đang dọn mình lên chức thánh.

Chúa cho con đường tiến đến chức linh mục của thầy Đạt được êm đềm khả quan, nên tháng Hai năm 1798, thầy Đạt thụ phong linh mục, lúc đó được 33 tuổi. Tuy hay ốm đau, nhưng vị tân linh mục chịu khó thi hành nghĩa vụ hằng ngày, không từ nan và cũng không khi nào phàn nàn. Bài sai thứ nhất do Đức cha Jacques Longer Gia (1789-1831) phát cho là sai cha Đạt về phục vụ giáo dân xứ Hảo Nho. Cha Đạt phục vụ tối đa, lại hay thương người, do đó, cha được dân chúng mộ mến. Cha Đạt mới làm linh mục được năm sáu tháng (cùng năm 1798) thì vua Cảnh Thịnh đã ra chỉ thị bắt đạo gắt gao. Các quan cho lính đi tầm nã khắp nơi, ban đêm đã cũng cho người bên lương vào làng để do thám. Cha chính địa phận hồi đó là cố Le Roy làm chứng: *"Cụ Đạt rất giàu nhân đức, tôi thấy cụ nhiệt thành vâng lời và thật sự sống khó nghèo"* (15).

Thời thế bắt đầu khó khăn, cha Đạt không dám liều mạng, đã phải lên núi ẩn mình một thời gian, ban đêm mới dám di chuyển về nhà ông trùm Mới, để sáng sớm dâng lễ ở đó. Nhưng không may mắn cho linh mục trẻ trung mới chịu chức được năm tháng. Một hôm, quân lính vây làng và bắt một bõ già, ngờ là đạo trưởng, nhưng nghe đồn thổi, họ chạy đến nhà ông trùm Mới. Ở đây, họ bắt được bằng chứng quả tang, mấy đồ lễ chưa kịp dọn đi, do đó ông trùm Mới phải công nhận mình đã chứa chấp "cụ đạo" trong nhà. Dân chúng đứng trước nguy nan, đã giục Linh mục Đạt chạy thoát, nhưng ngài không chịu: *"Tôi mà thoát thì tai hại cho cả làng"*. Ý thức được thánh ý Chúa quan phòng, ngài tự ra nộp mình và từ đó bắt đầu bị trói hai tay, nhất là bị đánh đòn dữ tợn, hôm đó là ngày 14 tháng 7. Vào tù, cha Đạt được nhiều giáo dân tới thăm nom. Ngài tỏ ra hiên ngang, vì được chịu khó vì chính nghĩa của đạo Công giáo: *"Khi phải tra khảo trước mặt quan quyền, nếu có ai nói nghịch sự đạo, thì hãy để mặc tôi đối lý với họ, vì tôi không nín được, còn phần anh em hãy khuyên nhau chịu khó, đừng ai ngã lòng và làm gương xấu cho người khác"*. Cha Đạt mới chịu chức linh mục, nên còn hăng say kiên trì. *"Nếu linh mục mà quá khoá, thì người ta sẽ không còn nhìn nhận tôi là linh mục nữa"*.

Thấy người còn trẻ mà đã phải đòn vọt và chịu nhiều hình khổ, một phụ nữ bên lương làm thuốc độc, rồi đưa cho ngài uống. Người khảng khái trả lời: *"Làm sao tôi có thể dám nghe lời bà. Thuốc độc, dù có lệnh vua truyền đổ vào miệng tôi, tôi sẽ làm hết sức để nhổ ra ngay"* (16).

Gần đến ngày xử, cha Đạt từ giã và cám ơn những quân lính đã canh gác. Chính ông đốc canh nói: *"Tôi muốn kết nghĩa với cụ, vì thấy cụ khôn ngoan đạo đức. Giờ đây đến ngày cụ sắp qua, sự việc đó không trễ được nữa, nên tôi ước ao dâng cho cụ cỗ quan tài, mong cụ hiểu lòng tôi"* (17).

Có hai thầy bạn tù chung, ngài khuyên nhủ hai thầy: *"Sống chết có một lần thôi, nên cha Đạt khuyên nhủ hai thầy dọn mình chết… Sợ hai thầy bị đòn nhiều quá, mà chết trước. ngài cầu Chúa cho được chết một lúc với nhau, được như vậy vui sướng biết chừng nào!"* (18).

Đến chiều ngày 15 tháng 9 năm 1798, cha Đạt xin đến thăm quan Đề đốc Điều, vì trước đây ông đã có nhã ý giam ngài biệt lập với các tù nhân khác. Ngài muốn cám ơn ông Đề đốc, đồng thời, xin ông tha cho một thầy bạn tù đừng chịu 50 roi đòn mà quan đã đe đánh. Ngài còn nói cho giáo dân đến thăm, mang trầu cau đãi mấy chú lính canh ban đêm. Một cử chỉ sau cùng hết sức đặc biệt, cha Đạt toan quỳ xuống mà tạ ơn họ, nhưng các binh lính phản ứng: *"Ông lớn Đề đốc và ông Đốc Thiềng còn không chịu cho ai lạy tạ. Phương chi chúng tôi đâu dám chuyện ấy"* (19).

Cha Gioan Đạt còn muốn đãi một bữa cơm cho tất cả binh lính canh gác thâu đêm, nhưng họ đã từ chối: *"Cụ chết mất rồi, chúng tôi ăn uống ngon lành sao được? Vua có tha cho cụ thì chúng tôi mới ăn ngon được chứ"* (20). Có mấy người còn trách vua quan: *"Những người hiền lành vô tội thì thẳng tay đập đánh, còn kẻ thù với triều đình, thì lại để yên"* (21).

Từ giã các nơi xong, cha Gioan Đạt quay về từ giã các thầy và một số giáo dân bạn tù. Tất cả quỳ xuống đất từ giã ngài và xin ngài nhớ cầu nguyện cho. Vị linh mục ấy càng cảm nghiệm chức vụ của mình: *"Nếu Chúa còn để cho anh em sống mà lập thêm công nghiệp, anh em phải sốt sắng làm việc lành, dọn mình chịu chết, xưng đạo cho vững vàng, làm sáng danh Cha Cả"* (22).

Khi đã vào công đường, cha Gioan Đạt quỳ xuống cầu nguyện chừng một nửa giờ. Lời tuyên bố sau cùng của viên chỉ huy binh lính là một lời vô ý thức: *"Cụ đã làm tướng quân, làm đầu bè đảng, người bản quốc mà còn theo đạo man di!"* Rồi quay về phía giáo dân, vị chỉ huy còn nhớ làm một nghĩa cử: tha hết mọi giáo dân ở trong tù được về gia đình, nhưng cấm không cho giữ đạo nữa. Cha Gioan Đạt can đảm tuyên xưng tới cùng: *"Anh em giáo dân, ta phải tuân giữ điều răn Thiên Chúa trước đã. Ta cũng phải tuân giữ và vâng phục vua quan tuy nhiên chỉ trong những sự kiện tốt lành và phải lý mà thôi"* (23). Viên chỉ huy còn đưa tấm ảnh Bảy Sự Thương Khó Đức Mẹ và tra hỏi: *"Bà nào bế xác con chết và có 7 gươm đâm qua trái tim?"*.

Đây là ảnh Mẹ Đấng Cứu Thế, trông thấy con mình đầy công cứu chuộc, mà còn bị tay quân dữ giết khốn nạn, làm cho tim người mẹ đau xót như bị gươm đâm thâu qua vậy. Dù sao, viên quan chỉ huy cũng đã cho giáo dân đến từ giã cha Gioan Đạt. Binh lính đến tháo gông cho cha, giúp ngài ngồi xuống. Lúc đó đã quá giờ ngọ, vị linh mục vẫn quỳ mãi, chắp tay đọc kinh, quay mặt về nhà thờ Trinh Hà. Lý hình thanh toán bằng một nhát gươm. Giáo dân nhận xác thánh, đưa về táng trong nhà thờ Phúc Nhạc. Cụ Phêrô Nguyễn Văn Thắng, 76 tuổi, kể câu truyện: Ông có một người cháu tên là Đạm, mắc bệnh đau ruột từ lâu, trong nhà quýnh lại, không biết chạy chữa làm sao. Cụ Thắng quỳ trên mộ cha thánh Gioan Đạt đọc 5 Kinh Lạy Cha, 5 Kinh Kính Mừng, rồi nhổ một nắm cỏ đem về nấu sôi cho bệnh nhân uống và bệnh nhân đã được lành mạnh

tức khắc. Cả nhà tạ ơn Chúa, cho đây là phép lạ nhờ lời bầu chữa của thánh Gioan Đạt (24).

IV. THÁNH LINH MỤC LÔRENSÔ NGUYỄN VĂN HƯỞNG

1. Thân thế

Cha thánh Lôrensô Nguyễn Văn Hưởng sinh năm 1802 tại xã Tuỵ Hiền, còn gọi là Kẻ Sải, tổng Trinh Khiết, phủ Hưng Hoá, huyện Hoài Yên. Ngài xuất thân trong một gia đình truyền thống Công giáo, bốn trai và hai gái. Chú Hưởng là con thứ tư, khi còn bé tên là Bỏ, lớn lên mới đổi là Hưởng.

Cụ thân sinh mất sớm, gia đình quá nghèo khó, người mẹ không biết làm thế nào để nuôi đàn con, cho nên đứa thì "bán", đứa cho đi ở. Tội nghiệp chú Hưởng phải đi cắt cỏ, chăn trâu cho ông chú, tên là ông Thăng. Ông chú không có con trai, do đó, được cháu sang giúp, lại là người ngoan ngoãn, dễ thương, nên ông để ý săn sóc và ông đã dụng tâm giữ cậu Hưởng ở lại gia đình, lại còn nghĩ cả đến truyện sẽ xây dựng gia đình cho cậu nữa. Tuy còn nhỏ tuổi thật, cậu hiểu được ý sự sắp đặt của ông chú: ông không muốn cho đứa cháu nói đến truyện bỏ gia đình và ông muốn thu xếp tương lai của cháu theo đường lối thế gian.

Cuộc đụng độ đã xảy ra. Nhân vì ông chú Thăng đau nặng và yêu cầu chú Hưởng sang giúp. Lần này, khi đề cập tới vấn đề tương lai, chú Hưởng đã thẳng thắn nói rõ lập trường của mình là muốn đi tu, học hành thêm, để rồi làm linh mục. Tương lai này, ý định này, chú Hưởng nhất định không thay đổi, chú chỉ đợi thời gian là sẽ thực thi ý nguyện. Ông chú Thăng cũng nói rõ ý kiến của mình và ông dứt khoát từ bỏ đứa cháu nếu cháu quyết chí đi theo lý tưởng tu hành của mình!

Chú Hưởng vào học tại chủng viện. Nhưng sau ba năm, nhà trường bị đóng cửa, vì cuộc bách hại đạo. Chú Hưởng vẫn học hành và

thành thầy giảng. Thầy Hưởng lãnh bài sai về giúp cha Tuấn ở miền Kim Sơn và giúp cha Duyệt ở xứ Bạch Bát hơn bảy năm trời. Công việc thường ngày là dạy giáo lý, chăm sóc đọc kinh, đọc sách trong nhà thờ, rồi làm việc trong vườn nhà xứ. Thầy Hưởng ăn mặc đồ nâu khiêm tốn như thường dân nghèo khó. Nhưng lúc nào thầy cũng giữ một phong độ tử tế, nghiêm trang, đứng đắn, hiền hoà với mọi người, do đó, rất được giáo dân kính trọng, thương mến, tin tưởng. Đời sống của thầy Hưởng còn rất trong sáng, không mưu mô giả tạo, luôn luôn thành tâm và chân thực.

Vì đời sống nhân đức, thầy Hưởng được gọi về học Thần học và dọn mình lãnh chức thánh. Đức cha Retord Liêu đã truyền chức linh mục cho thầy (không rõ niên hiệu). Vị tân linh mục được hân hạnh tháp tùng Đức cha Jeantet Khiêm trong cuộc kinh lý hai ba tháng tại vùng Lạc Thổ.

Lạc Thổ là đuôi Giáo phận Tây Đàng Ngoài, phía Tây giáp Thanh Hoá, phía Bắc giáp Bờ, mạn Nam xuống mãi gần phủ Nho Quan. Lạc Thổ thuộc nhóm dân tộc Mường là một miền đồi núi, xa đồng bằng chừng một ngày đường. Nơi đây độc nước, độc khí; những người ở ngoài chợ vào sống trong đó thường bị sốt rét, ngã nước và có khi vong mạng. Dân Lạc Thổ khác với dân đồng bằng về phong tục, tiếng nói, cách ăn mặc. Ngày xưa, dân Lạc Thổ không phục tùng vua quan Việt Nam, họ có "quan lại" riêng của mình.

Đời Minh Mạng bắt các sắc dân miền cao phải nhận quyền của triều đình Việt Nam và phải cống hiến cho nhà vua. Các "quan lang" của họ hồi xưa theo tục lệ cha truyền con nối, và các quan lang phải bảo toàn dân chúng để làm dân của mình.

Về phương diện tôn giáo: Vào cuối đời vua Cảnh Hưng (Vua Lê Hiển Tông trị vì từ 1740-1786), ông Tĩnh Đô Vương (Trịnh Sâm, nắm quyền từ 1767-1782) làm chúa Đàng Ngoài, bắt đầu hành hạ dân Công giáo. Giáo dân phải chịu đủ mọi hạn chế, nhà thờ bị triệt hạ, chủng viện mới xây lại tại Kẻ Vĩnh phải đóng cửa, giáo dân bị

lưu đầy, một số bị khắc hai chữ "tả đạo' trên mặt. Họ bỏ nhà cửa chạy vào Lạc Thổ.

Tại Lạc Thổ hồi đó còn có cố Thạch (về sau chết tại Đông Biên) và cha Trác đã khuyên được rất nhiều người trở lại. Chính Đức cha Retord Liêu đã đi kinh lý Lạc Thổ và đã nhận xét: duy chỉ có cha Hưởng vừa trẻ trung, vừa tận tâm, do đó, Đức cha đã xin cha Hưởng ở lại tại chỗ.

Tuân lệnh Đức cha, cha Hưởng nhận trách nhiệm chính xứ Lạc Thổ. Cha cố gắng dạy giáo dân bỏ thói quen dối trá, rượu chè say sưa, bỏ nếp sống dị đoan. Cha Hưởng ở Lạc Thổ hai lần. Lần thứ nhất ba bốn tháng, rồi ngã bệnh. Đức Cha cho phép ngài lên ở với Cố Tân để uống thuốc. Khi khỏe mạnh lại, ngài trở về Lạc Thổ lần thứ hai, làm việc rất hăng say vì đã quen khí hậu. Tuy nhiên, để lên tinh thần cho cha, và một phần nào cám ơn cha vì những năm mục vụ tận tình, Đức cha đổi cha Hưởng về giúp cha già Lân tại Yên Lộc chừng hai năm. Rồi thuyên chuyển ngài về giúp cha già Chất, chính xứ Bạch Bát.

Giúp cha già Chất, có nghĩa là vị tân linh mục trẻ trung đã chịu được khí hậu Lạc Thổ, quanh năm ngày tháng, đi tất cả các họ đạo, hết họ này sang họ khác, dạy giáo lý, giải tội cho giáo dân, thăm viếng những người đau ốm, bất cứ giờ nào, đêm hay ngày, xa hay gần… Tuy nhiên, cha Hưởng tránh giây vào việc phần đời hay là những việc có liên hệ đến người bên lương, mục đích là tránh sự va chạm giữa lương – giáo, hoặc là giữa các giai tầng trong xã hội.

Ở Bạch Bát, cha Hưởng còn lo phần thiêng liêng cho Nhà Dòng Mến Thánh Giá: lễ lạy, giải tội cho các chị, khuyên nhủ chị em vững vàng trong cơn khốn khó và hứa sẽ cầu nguyện cho chị em thương yêu nhau.

Cha Hưởng có lòng kính trọng cha chính xứ và các huấn dụ của bề trên trong địa phận đã truyền dạy; cha làm gương sáng cho giáo

dân thêm lòng cậy trông Đức Mẹ, lần hạt Mân Côi và ăn chay các ngày thứ tư để kính Đức Mẹ.

2. Bị bắt

Vào tháng 11 năm 1855, đang là mùa Áp lễ Sinh Nhật, hai linh mục là cha già Chất và cha Hưởng đang cấm phòng chung với nhau tại Bạch Bát, có người từ họ Đãi Vương đến rước kẻ kiệt. Cha già Chất mới đi thăm kẻ liệt từ họ Yên Hoà về, nên còn mệt mỏi và xin cha phó Hưởng đi thay. Thế là cha phó vâng lời đi luôn với hai giáo dân tháp tùng. Cha đi lối từ Quảng Nạp tới Cầu Mễ bằng thuyền, vì nếu ngang qua mấy làng bên lương thì bất tiện và hiểm nghèo. Thuyền có mui, nên thiên hạ nghi là thuyền chở linh mục. Qua làng Vân Du, ở dưới Trà Tu, thì gặp ông phó tổng Thuỳ đang ốp dân xây cống. Tên đầy tớ của phó tổng là người Bạch Bát, nên cam đoan với chủ là thuyền có chở đạo trưởng. Do đó, phó tổng Thuỳ cho lệnh đuổi theo. Sông thì hẹp, lại gặp buổi nước cạn, thành ra chèo không mau hơn đám người đuổi theo chạy bộ. Cha Hưởng bị bắt tại điếm canh, còn giáo dân đi theo bị giữ tại đình làng.

Rồi họ bắn tiếng về Bạch Bát, có ý nhận tiền của những ai muốn cứu cha. Nhưng cha Hưởng nhắn về cho cha già Chất và giáo dân đừng làm gì, vì đây là thánh ý Chúa Quan Phòng đã xếp định rõ rệt. Thực ra, cha già Chất đã thu được 600 quan, nhưng rồi không ông nào dám nhận tiền vì sự đã trở thành công khai.

Đêm hôm đó, cha Hưởng bị giam tại nhà phó tổng Thuỳ, rồi hôm sau bị giải về Ninh Bình. Tại công đường, cuộc tra khảo lần đầu tiên có vẻ còn lý thuyết. Quan hỏi cụ có phải là đạo trưởng và truyền lệnh cụ phải quá khoá, đạp lên ảnh tượng Thánh giá. Bốn lính cầm chân tay kéo qua ảnh Chuộc tội, nhưng cha cố co chân lên và phản kháng không chịu. Tưởng chỉ bắt đầu bằng một hai cử chỉ đó, ai ngờ quan án tàn bạo, cho lệnh đánh 100 roi đòn nhừ tử. Nhưng mới chịu 80 roi, cha Hưởng đã ngất xỉu. Sáng hôm sau, cha bị tra khảo: đã giảng đạo những nơi nào, quen biết những cố đạo

hay đạo trưởng nào, ngài làm thinh không trả lời. Quan ra lệnh đem ảnh Chuộc tội ra lần nữa và truyền cho ngài đạp lên. Ngài liền cúi xuống hôn kính và tuyệt đối không trả lời. Quan án chỉ còn một phản ứng duy nhất: đánh đòn và tống giam. Rồi quan quay qua dụ dỗ: Quá khoá đi, rồi ông đề nghị một giải pháp thật vô ý thức là sẽ cho cụ về giữ chùa Non Nước.

Một mình quan án không thành công, ông yêu cầu họp bàn với các quan tuần, quan giám sát, hội nghị thảo luận với nhau và kết tội người Công giáo không tôn kính tổ tiên cha mẹ… Cha Hưởng lợi dụng cơ hội này để giải thích bộ luân lý Công giáo: không cúng hiến mâm cơm, đồ ăn, trái cây… là những đồ vật cha mẹ không thể ăn uống được nữa; nhưng người tín hữu Công giáo xin dâng lễ, đọc kinh, cầu nguyện tối sớm… là những phương cách hiếu thảo sâu xa, bền bỉ hơn nhiều. Cha Hưởng bị tra tấn ba kỳ.

Khi các quan tra khảo lần thứ ba: lại giục ngài quá khoá và công nhận những điều đã tra hỏi hai lần trước. Ngài vẫn một thái độ cương quyết, một hai nhất định không quá khoá. Các quan chỉ còn giải pháp là nhục mạ thêm và lệnh cho bọn lính nọc ngài ra đánh 40 roi thật đau (26). Đang khi lính đánh đòn, ngài nín thinh, đau lắm, nhưng thay vì than van, miệng người luôn kêu tên cực trọng: Chúa Giêsu và Đức Mẹ, cứ thầm thì luôn miệng. Tuy nhiên, nghe thấy tiếng thợ rèn kéo bễ, nung kìm, ngài tưởng rằng lần này mình cương quyết như vậy, thế nào cũng bị tra khảo bằng kìm nung đỏ… Thế nhưng, các quan truyền cho nhổ nọc rồi dựng án cho ngài.

Lúc mới giải ngài lên tỉnh Ninh Bình, Đức cha Liêu sai thầy Bá là thầy giảng Nhà chung và ông cai Trạch, người Công giáo quê Tôn Đạo, có thần thế với quan tuần đi thương lượng với quan và quan đã bằng lòng nhận hối lộ 6 nén và chịu làm án nhẹ một chút cho cha Hưởng là đạo mục, bất khẳng xuất giáo, nên bị án phát lưu (đi đày). Khi đưa án cho cha Hưởng ký, thì ngài nhất định không ký, vịn lẽ rằng mình không phải là đạo mục mà chính là "đạo trưởng". Quan tuần làm án tất cả 3 lần, có ý mỗi lần giảm án dần dần cho

cha khỏi chết. Nhưng cha cứ một mực cám ơn xã giao, nhưng nhất quyết không ký: *"Quan lớn đã cứu tôi cho khỏi chết, nhưng làm sao cứu tôi cho khỏi sống khốn nạn ở chốn lưu đày này"* (27). Niềm tin của cha Hưởng lúc nào cũng sắt đá, các quan không hy vọng cha sẽ chấp nhận bỏ đạo, nên khép án cho ngài "là đạo trưởng bất tường quán chỉ, bất khẳng khoá quá, luận trảm quyết" (28). Bấy giờ, cha Hưởng mới chịu ký. Cả xứ Bạch Bát đã kéo nhau lên tỉnh Ninh Bình theo án, đã xin vào nộp 6 nén bạc, nhưng vì cha Hưởng cứ nhất tâm từ chối, nên lại đem số bạc đó về.

3. Phúc Tử Đạo

Án của cha Hưởng được đệ vào Kinh. Chính ngài cũng linh cảm được rằng, Chúa sẽ dành cho cha vinh phúc tử đạo, tuy chưa biết ngày nào. Từ đó, bất cứ ai đến thăm, cha đều khuyên nhủ họ về sống đạo đức và nhớ cầu nguyện cho ngài. Họ là nữ tu, là hai chị em Dòng Mến Thánh Giá Bạch Bát (chị Ơn và chị Hiền) đã cơm nước cho cha, là thầy Bá và thầy Thuần, hai thầy giảng của Đức cha Retord Liêu đã chọn để ở bên giúp đỡ cha Hưởng, là giáo dân Bạch Bát, là những binh lính canh gác đêm ngày… với từng lớp người, cha có cách tiếp xúc, khuyên nhủ thích đáng, và cám ơn trước ngày ra đi chịu tử hình. Trong suốt thời gian chịu khó vì đạo, ngài bị giam trong gian nhà lá, không bị mang các hình khổ nặng nề như xiềng xích, chỉ mang gông bằng gỗ nhẹ.

Cuối tháng 4 năm 1856, án lệnh vua châu phê từ Triều đình Huế về tới Ninh Bình. Nguyên văn bản án: *"Nguyễn Văn Hưởng, 54 tuổi, gốc Hà Nội, không rõ làng xã, huyện nào; theo Gia Tô tả đạo, nhận mình là đạo trưởng. Đã tra khảo, bất đẳng quá khoá, luận trảm quyết"* (29). Ông đội canh nức nở vội báo tin cho cha, nhưng cha Hưởng nhận tin cách vui mừng. Chính lẽ phải xử cha vào ngày hôm ấy, nhưng vì là ngày kiêng, nên phải dời đến hôm sau. Thầy Bá đem tin về Nhà chung Kẻ Vĩnh. Đức cha đi vắng. Cha Lê Bảo Tịnh, Bề trên Chủng viện cử cha Khoản lên giải tội và kiệu Mình Thánh cho cha Hưởng. Quả là hồng ân lớn lao cho linh mục tù

nhân, vì chính ngày bị xử, cha được lãnh nhận bí tích Giao hoà và Mình Thánh. Chiều hôm trước, dù thầy Thuần và hai chị dòng nài xin cha dùng chút cháo gà đã nấu sẵn, để lại sức tỉnh táo. Cha Hưởng từ chối, nhưng cha xin hai thầy Thuần và Bá về nhà bảo người ta têm 2000 miếng trầu, để đem lên cám ơn và từ giã các đội lính canh và các bạn tù.

Ông đội canh đưa vợ con đến chào cha Hưởng. Ông vừa khóc vừa phân phô: *"Hồi ở trong Nghệ An, tôi cũng phải canh một cụ, tôi biết các cụ không có tội gì, nên không dám ở ngặt làm khổ các cụ. Hôm nay, lệnh vua truyền đem cụ đi xử, tôi xin cụ về thiên đàng nhớ đến tôi"* (30).

Đến trưa, quan án sát ra lệnh đưa cha Hưởng ra khỏi trại. Cha hiền hoà bước ra, tới cửa thành Ninh Bình, cha được mời lên ngồi võng của giáo dân Bạch Bát thuê để đưa cha tới nơi xử án. Dọc đường, đám dân chúng, lương cũng như giáo, đi theo rất đông. Ai cũng thì thầm: *"Người hiền lành như thế này mà phải xử, tội nghiệp chưa!"*. Bà đội canh, các bà quan Ninh Bình cũng theo sau, vừa đi vừa xụt xùi thương tiếc. Đến nơi gọi là Cầu Lim, đoàn áp giải tù nhân dừng lại, để mời cha Hưởng ăn uống như tục lệ trước khi xử tội nhân. Nhưng ngài từ chối, nên cả đoàn người tiếp tục tiến ra pháp trường, tức là núi Cánh Diều.

Tới nơi, cha Hưởng đứng cầu nguyện một lúc, dâng mình làm của tế lễ, rồi ngài quỳ xuống. Ba hồi trống lệnh nổi lên, cha Hưởng giơ đầu chờ nhát gươm định mệnh. Tên lính chuyên môn, chém có một nhát, đầu vị tử đạo rơi xuống đất, phụt máu đỏ chung quanh, giáo dân tuôn vào thấm máu tử đạo, dù bị binh lính can ngăn. Xác ngài, thầy Bá xin đưa xuống thuyền đem về Kẻ Vĩnh, còn đầu cha, trong lúc xôn xao, anh Phú, coi nhà thờ Bạch Bát, lanh chân tiến vào "cướp lấy" rồi chạy về hướng núi Cánh Diều, nhảy xuống thuyền chở xác cha thánh về Vĩnh Trị.

Mọi người ra về. Ai cũng ngậm ngùi thương xót và bàn tán về quang cảnh vừa xảy ra. Hôm ấy là ngày 25-4-1856, trời đang nắng trong sáng, nhưng giây phút xử cha, bỗng tối sầm lại vì có đám mây đen kéo tới và một đàn chim bồ câu từ phương xa bay về, lượn trên pháp trường. Mọi người chứng kiến cảm nghĩ như có một đoàn cơ binh thiên thần tới đón rước linh hồn cha Lorensô Hưởng về cõi thiên đàng. Kỳ lạ thay, sau khi xử cha Hưởng, đám mây đen biến mất và đoàn chim bồ câu cũng bay đi.

Sau khi khâu đầu liền vào cổ, xác cha Hưởng được an táng ở gian thứ ba, gần xác cha thánh Bonard Hương, đã táng ở gian thứ hai trong nhà thờ Kẻ Vĩnh. Về sau hài cốt của ngài được đưa về Kẻ Sở.

V. THÁNH LINH MỤC PHAOLÔ PHẠM KHẮC KHOAN (31)

1. Thân thế

Thánh Phaolô Phạm Khắc Khoan sinh năm 1771 tại Bồng Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, trong một gia đình bên lương. Về sau, cha mẹ con cái đi xuống Trại Bò (bây giờ thuộc xứ Hiếu Thuận), nhưng thời đó thuộc về xứ Hảo Nho. Cố Thạch, chính xứ Hảo Nho, lo liệu cho cả gia đình tòng giáo và cho chú Khoan vào Nhà Đức Chúa Trời.

Học hành và lớn lên, chú Khoan làm thầy giảng, được Đức cha đặt làm quản lý Nhà chung Kẻ Vĩnh. Thầy có nhiều đức tính tốt: đạo đức, hiền lành, chính trực, công minh, nhưng rất lịch thiệp và có lòng bác ái, thương những ai nghèo khó. Tự bản tính, người ăn mặc rất đơn sơ, không thích ăn diện theo thói thế gian. Đó là những đức tính tốt đáng quý khiến bề trên tuyển chọn thầy Khoan lên chức linh mục.

Sau khi thụ phong linh mục, mỗi ngày cha Khoan chỉ ăn hai bữa. Sau thánh lễ, cha uống mấy chén nước trà, ăn chay trót Mùa Chay

và các ngày chay trong năm. Có đi đâu thì đi bộ, chứ không bao giờ võng cáng. Có tiền thì làm phúc cho người nghèo, nhà xứ còn làm nhà cho họ ở. Làm mục vụ, ngài nhấn mạnh hai nhân đức: công bằng và trong sạch. Với người nhà Chúa, ngài giảng dạy đức khiêm nhường và làm gương đức vâng lời. Cha rất chịu khó ngồi toà giải tội; khi có người xin, không bao giờ để ai về không. Làm chính xứ Phúc Nhạc, ngài có ba cha phó, dù đã hơn 60 tuổi, ngài vẫn làm nghĩa vụ chính xứ, không khắc nghiệt với các cha phó xứ. Ngài tự đặt cho mình chương trình, mỗi tháng đi thăm họ Phúc Nhạc, Đông Biên, Tôn Đạo và Dòng Mến Thánh Giá ở Yên Mối.

2. Bị bắt và tra khảo

Cũng vì làm việc mục vụ, giáo dân đến rước cha chính xứ Khoan đi giúp một bệnh nhân ốm nặng ở Trại Bò. Về qua Đông Biên, trời đã tối, ngài vào trọ nhà ông phó tổng Dụ, người có đạo tốt, đứng làm quản lý cho trại Đông Biên của Nhà chung. Ông phó xã hay chuyện, liền đi báo cho ông xã Đông Biên, rồi họ bày mưu mang binh lính đến vây nhà ông phó tổng Dụ. Sáng hôm sau, ngày 24-8-1837, khi cha Khoan vừa ra khỏi phòng, ngài đã biết binh lính vây kín bụi tre chung quanh nhà. Ông xã Đông Biên vào bắt cha và cả hai Thầy giảng Gioan Baotixita Đinh Văn Thanh và Phêrô Lê Văn Hiếu, là hai thầy vẫn tháp tùng cha thánh Khoan và cùng hưởng vinh phúc tử đạo.

Họ giải ba vị lên tỉnh Ninh Bình. Dọc đường, gặp ông Nhàn là em ruột cha Khoan, ông xin nộp mình thay thế cho cha, nhưng ngài không cho. Cả ba cha con cùng bị giam trong tù nơi dinh quan án gần ba năm trời. Riêng cha Khoan đã 60 tuổi, nhưng rất kiên cường, dù cha bị tra tấn mấy kỳ liên tiếp và bị đánh đòn mấy trận nhừ tử.

Điều nổi bật trong lịch sử cha thánh Khoan là qua tất cả các lần bị điệu ra công đường, ngài luôn bình tĩnh, sáng suốt, nhất là lý sự và

cương quyết. Như lần đầu tiên, cuộc đối thoại, quan tuần khuyên ngài quá khoá:

- *Quan lớn dạy thế thì không phải*. Cha thánh đáp lời.

- *Không phải ở chỗ nào? Vâng lời thì ông sống, bằng không thì ông sẽ bị chết.*

- *Thưa quan lớn, giả sử quan lớn mang ơn đức vua nhiều, trong trường hợp có giặc; nhà vua ra lệnh mang quân xuất trận, mà quan lớn vịn lẽ sợ chết để không tuân lệnh phải chống cự, lại còn theo quân giặc, sự kiện đó là phụ ơn đức vua. Phần tôi, tôi mang ơn Chúa từ khi còn nhỏ mà nay khoá quá, tức là một việc quái gở.*

Nghe câu phúc đáp, quan tuần tức giận la hét và lệnh cho cụ phải bị 12 roi đòn nên thân. Tới phiên quan án xử, Cha thánh còn bị xỉ nhục nặng hơn và quan tiếp tục:

- *Lý luận như thế là lầm, ông bỏ đạo đi và hãy vâng lời nhà vua, đừng nghe theo "mấy thằng Tây" mà thiệt mạng (32).*

- *Thưa quan lớn, sống chết tôi không bỏ đạo!*

Thất bại, quan án đề nghị hội họp các quan để bình nghị và gây uy tín, đồng thời truyền cho cha Khoan phải mang gông nặng hơn và đưa về trại giam. Ngài ở tù chung với đủ hạng người trộm cướp, trong nơi chật hẹp, hôi hám, bẩn thỉu, muỗi rệp… Giáo dân đến thăm nom thấy vậy thì cảm xúc, thương xót và than khóc. Tuy nhiên cha Khoan rất tươi tỉnh, nhẫn nhục, sống cảnh tù đày nhưng cha vẫn ăn chay các ngày thứ Sáu.

Giáo dân còn tổ chức đưa linh mục ở ngoài vào giải tội và mang Mình Thánh Chúa cho cha Khoan và hai thầy giảng bạn tù. Ngày 22-11-1839, vua Minh Mạng ra sắc chỉ, lệnh cho các quan Ninh Bình tìm cách bắt cha bỏ đạo, lần này kèm theo những lời dụ dỗ lịch sự: *"Nhà vua và chúng tôi khâm phục và mến tiếc ông vì là người bản quốc, ông bỏ đạo đi"*. Cha Khoan điềm đạm trả lời:

"Tôi đã suy nghĩ chín chắn. Lạ thay, càng suy nghĩ, càng nhận thức đạo của Chúa là chính đạo. Tôi sẵn sàng giữ đạo cho đến chết" (33).

Các quan bày mưu ác hiểm, giam ba cha con riêng biệt, mỗi người một nơi, để cho họ dễ rung chuyển tinh thần. Có lần họ đánh lừa cha: *"Hai đồng bạn của cụ đã quá khoá rồi, cụ còn cưỡng làm gì?"* Cha Khoan nghe được tin, ngài hết sức đau buồn, nhưng rồi có giáo dân đến mật tin cho cha, bấy giờ cha mới an tâm tạ ơn Chúa (34).

Mấy ngày sau, các quan lên án cha bị trảm quyết vì là đạo trưởng, đầu phải bêu đủ ba ngày, để làm gương cho người ta khiếp sợ. Tin được đón nhận như tin mừng, cha cho là phần thưởng trên Trời. Tuy nhiên, nhà vua lại đổi án, cho rằng: đạo trưởng ương ngạnh, không chịu quá khoá, nhưng vì đã quá 60 tuổi, chẳng còn sống được bao lâu, thì nay phạt ông như hai đứa đầy tớ (hai Thầy giảng Thanh và Hiếu), nghĩa là lên án "giảo giam hậu", giam lâu ngày lâu tháng cho phải phiền buồn và ngã lòng (35).

Trong những ngày đau thương đó, Chúa đến an ủi các thánh. Đức cha Retord Liêu viết thư khuyên nhủ và nâng đỡ tinh thần. Quân canh thấy người tốt lành, đức hạnh thì nể nang, kính phục, nên khi nào thấy cha đọc kinh cầu nguyện thì họ dẹp bọn tù chung quanh, không cho chúng làm ồn ào gây chia trí. Còn phần giáo dân khi đến thăm ngài thì đút lót tiền bạc cho quân canh để xin họ tháo gông hay đổi gông nhẹ cho ngài và ba cha con có thể đọc kinh chung với nhau (36). Đức cha Retord Liêu lại thuê một người thăm nuôi, săn sóc ba cha con. Chính cha thánh Khoan dùng tiền nong và đồ ăn thức uống được tiếp tế để chia sẻ, nuôi được 10 bạn tù khác và rửa tội được hai trẻ em trước khi chết (37).

Cha thánh Khoan còn trưng đoạn lịch sử, ngày xưa có ông Hoàng Trớt cũng cấm đạo cho nên hồi đó cha đã phải ẩn lánh rồi. Các quan hỏi.

- Hoàng Trớt là ai?

- Thưa, là người thuộc Tây Sơn dấy loạn Vua Lê. Đức vua Gia Long, thân phụ của đức vua bây giờ, khi ngự giá ra Kẻ Chợ (Hà Nội), chúng tôi được chầu vua, và vua đã cho phép chúng tôi được tự do giảng đạo trên toàn cõi đất nước: "Các ông hãy giảng đạo cho dân trẫm, hãy khuyên bảo người ta an cư lạc nghiệp, đừng có theo "thằng Hoàng Trớt" là tên làm bậy, gây xôn xao trong nước".

"Vua Gia Long đã lệnh như thế, chúng tôi đã vâng lời hết lòng, dạy bảo người ta ăn ngay ở lành, đừng rượu chè, hà hiếp người khác, hãy thờ phượng Thiên Chúa, hãy cầu nguyện cho đức vua, các quan và dân chúng được bình an. Nếu bây giờ tôi chối đạo Thiên Chúa, tôi khỏi chết thật và rồi về nhà giữ đạo như trước, thì vua quan chẳng ai hay biết. Nhưng làm như thế, tức là làm gian, là tội phạm đến Thiên Chúa, cùng đánh lừa những ai mà chúng tôi đã mất công giảng dạy bấy lâu nay. Nếu chúng tôi xuất giáo và quá khoá, thì họ sẽ nghĩ gì về chúng tôi?" (38).

Các quan chức chăm chú lắng nghe lập luận của cha Khoan. Họ nhìn nhau, nói lên sự ngỡ ngàng cảm phục ông cụ đạo, già rồi nhưng vẫn điềm đạm thuyết giáo, với ngôn ngữ lý sự cứng cát. Thuyết phục con người như thế làm sao được? Các quan, tưởng rằng sẽ dỗ được hai thầy giảng mà các quan gọi là hai đầy tớ của cụ Khoan. Nhưng trước lời lẽ đanh thép như trên, càng tăng cường niềm tin và ý chí quật khởi của hai thầy giảng. Quan án không còn cách nào hơn, chỉ hỏi một câu sau cùng.

- Ông nói thật cho ta, ông còn muốn sống không?

- Bẩm đại quan, sống thì ai không muốn sống. Nếu còn được sống, tôi cám ơn quan lớn.

Rồi cha tiếp tục thuyết thêm bài Thần học: *"Các loài vô linh tính còn sợ chết, phương chi con người có trí khôn biết suy nghĩ. Nhưng là người có đạo, chúng tôi ý thức chết cho Thiên Chúa là vị đã*

dựng nên mình thì không phải là chết thật, vì sẽ được sống lại ở trên thiên đàng và sống ở thiên đàng thì hạnh phúc, bền bỉ hơn cuộc sống ở trần gian gấp trăm ngàn lần.

- Ừ, đã vậy, nhưng làm sao ông bảo có thiên đàng?

- Thưa quan lớn, vua chúa trần gian có phẩm hàm, ngôi thứ, quyền chức để tưởng thưởng những thần dân có công trạng, trung thành với nhà vua. Chả lẽ vua trên trời lại không có gì để thưởng công những thành phần trung kiên của mình?

- Bởi đâu mà ông biết có Chúa là vua cả trên trời dưới đất?

Thưa quan lớn, trời đất này xoay vần theo một trật tự bền vững. Trời đất như một cuốn sách rộng lớn, dạy con người có trí thông minh suy luận và tìm ra một vị chủ huy cao cả, Đấng ấy chúng tôi gọi là Thiên Chúa, và chúng tôi thờ phượng Ngài.

- Ta nghe ông nói, thật cảm động, ta muốn cứu ông, nhưng lệnh triều đình thì nghiêm khắc, ông không quá khoá, thì không có cách nào giúp ông khỏi chết. Ông xem, cụ Duyệt trước đây đã vâng lời vua và quá, khoá ông có giận ghét ông ta không? Ta nghĩ cụ Duyệt không còn lên thiên đàng được nữa.

- Thưa quan lớn, theo phép đạo, chúng tôi không được ôm ấp tư tưởng thù ghét oán giận ai. Cụ Duyệt, nếu về sau ăn năn thống hối, cũng vẫn được vào nước thiên đàng. Cũng như vua trần gian còn rộng lòng thương ân xá cho các quan lại cải tà quy chính và hoàn chức cho chư vị ấy; Thiên Chúa còn hơn nữa, vì Ngài thấu suốt cõi lòng bên trong và nhận rõ cảm tình của con người thống hối (39).

Lần này, cuộc đấu lý giữa các quan với cha thánh Khoan đã kéo dài, một bên các quan chức thảm bại, sốt ruột, bất mãn trước sự bình tĩnh, thanh thản của linh mục tù nhân lập luận chí lý thay cho hai thầy giảng bạn tù.

Do đó, cuộc tranh luận kết thúc bằng một quyết nghị: khép án và đệ vào kinh đô. Lần này, Vua Minh Mạng liền châu phê. Nhưng khi bản án về tới Ninh Bình thì đã gần Tết, vì thế các quan giãn ra Giêng. Đồng thời quan tuần được lệnh đổi đi nơi khác; tân quan toà đòi xem lại bản án và hy vọng dụ dỗ cụ Khoan bỏ đạo, nên vụ án của cha còn phải đọng lại nhiều tháng.

Quan tuần đòi cha Khoan và hai thầy giảng ra công đường một lần nữa. *"Chúng bay có nghe lời ta thì sống, bằng không thì không thể nào khỏi chết. Bây giờ hãy suy nghĩ".*

- *Chúng tôi đã suy nghĩ, không thể nào thay đổi ý kiến. Án chúng tôi đã được quyết nghị, chúng tôi chỉ xin quan tuần thi hành bản án. Nếu khoá quá để được sống thì chúng tôi đã làm từ lâu rồi!*

Quan tuần chỉ định ngày 28-4-1840 là ngày thi hành bản án. Cha thánh Khoan và hai bạn tù thức trọn đêm hôm đó để dọn mình, đọc kinh cầu nguyện. Sáng tinh sương, cha Khoan thân hành dọn cơm cho lính canh ăn và mời các quan xơi trầu. Quang cảnh thật thảm đạm, các quan vào tù điệu ba cha con tiến ra pháp trường, giữa những tiếng than khóc xụt xùi. Cha thấy trong túi còn năm quan tiền, ngài phát cho các tù nhân, chúc lành cho họ và ra đi. Cả ba cha con đều lớn tiếng hát kinh "Tạ ơn Chúa: Te Deum". Với đám đông lương giáo đang bao vây, cha Khoan lên tiếng giải thích: "*Anh em thấy chúng tôi sắp chết, chết đây chỉ vì trung thành với Thiên Chúa, vì giữ đạo Chúa, chứ thật chúng tôi không làm điều gì phạm đến đức vua hay phản Triều đình*".

Quân lính tháo gông, cởi xiềng, mọi sự đã sẵn sàng, cha thánh Khoan còn thêm: *"Chúng tôi cám ơn Thiên Chúa vì cho chúng tôi được chết vì Người. Chết đi, chúng tôi cầu xin cho đức vua trường thọ khang an. Chớ gì đừng cấm đạo Thiên Chúa nữa, vì là đạo thật dạy người ta ăn ngay ở lành".* Các quan lại gần ba cha con như để thanh minh; *"Các ông chết không phải tự chúng tôi, máu các ông đổ ra đừng nên tai hoạ cho chúng tôi".* Ông đội canh mang đến

cho cha Khoan một ly nước lạnh, tay run lập cập và miệng thì thầm: *"Nam Mô A Di Đà Phật", tôi sắp phạm tội (chém đầu ông) nhưng không phải tại tôi, xin ông đừng chấp"* (41).

Mấy tên lý hình múa thử lá gươm sau lưng ba vị thánh. Họ chém một nhát mới sả miếng thịt lớn nơi cổ, phải chém nhát thứ ba mới đứt đầu cha thánh Khoan. Lý hình cầm đầu giơ lên cao cho quan xem thấy, rồi lại bỏ xuống đất. Một tín hữu tên Thuần lấy vạt áo bọc đầu cha thánh Khoan, để đầu liền với xác, chờ đến đêm, các giáo hữu đến lấy trộm xác cha thánh đưa về làng Yên Mối, đợi sau khi tha đạo mới đem về an táng tại Phúc Nhạc.

Đã xẩy ra một sự kiện minh chứng sự can thiệp của Thiên Chúa: Chị Mến, Dòng Mến Thánh Giá tại Yên Mối, bị đau ốm đã lâu, thuốc men không khỏi, ngoài bệnh đau ung đau nhọt, chị còn đi lị, sốt rét cao độ, yếu đau tới mức độ không thể tự mình ngồi dậy, mọi sự phải nhờ người khác. Trong tu viện, chị em còn giữ một tấm vải đã thấm máu cha thánh Khoan, tương đối không còn mùi vị gì nhưng còn sạch. Chị bề trên tu viện cắt lấy một miếng nhỏ bằng ngón tay út để vào trong chén nước, quậy đi quậy lại, nước màu hơi đỏ, đưa cho bệnh nhân uống. Hôm sau, chị em trong nhà đến thăm, chị Mến tự nhận từ đêm đã thấy bớt đau nhiều và hiện cảm thấy đói. Sự kiện đó làm mọi người vui mừng, xúc động vì ai cũng biết chị Mến đau nặng, đã từ bỏ mọi thứ thuốc và đang dọn mình chết. Chị em trong nhà phấn khởi, chăm sóc chị Mến cứ dần dần khỏe lại và ăn uống bình thường như người vẫn mạnh. Sau đó, công tác của chị là đi vào các chợ xa gần, tìm hiểu số phận các em sơ sinh nghèo khó, bị bỏ rơi, để chị đến làm phép rửa tội cho các em hấp hối trước khi chết.

Sự kiện kỳ diệu xảy ra trong tu viện Yên Mối đã được hai chị em khác là chị Marta Siêng, tu viện Kẻ Vĩnh và chị Anna Nhường, tu viện Thành Đức (tức Cách Tâm) đứng ra làm nhân chứng xác thực. Đang khi những người trách nhiệm chữa trị cho chị Mến cũng đều

công nhận nhờ sự can thiệp thiêng liêng của thánh Linh mục Phaolô Phạm Khắc Khoan tử đạo.

VI. THÁNH LINH MỤC GIUSE NGUYỄN ĐÌNH NGHI

Ba thánh Linh mục Giuse Nguyễn Đình Nghi, Phaolô Nguyễn Ngân và Martinô Tạ Đức Thịnh xuất xứ từ ba nơi khác nhau:

- Cha Giuse Nguyễn Đình Nghi, quê Kẻ Vôi, Hà Nội, sinh 1771.

- Cha Phaolô Nguyễn Ngân, quê Kẻ Bền, Thanh Hoá, sinh năm 1771.

- Cha Martinô Tạ Đức Thịnh, quê Kẻ Sét, Hà Nội, sinh năm 1760.

Tuy sinh quán ba vị khác nhau, nhưng khi còn sống các vị quen biết nhau, khi chịu khó vì đạo thì bị giam chung cùng một chỗ, chịu tử đạo cùng một pháp trường và chung cùng một ngày.

Ngoài ra, khi còn bình sinh, mỗi vị đã liên quan đến Giáo phận Phát Diệm trong phần hoạt động mục vụ. Hai cha Nguyễn Đình Nghi và Nguyễn Ngân, khi còn sống, đã làm phó xứ Phúc Nhạc. Còn cha Tạ Đức Thịnh đã về hoạt động tại Cửa Bạng, hồi đó còn thuộc Địa phận Thanh (Đàng Ngoài Duyên Hải gồm Phát Diệm và Thanh Hoá).

Vì ba vị thánh có nhiều điểm tương đồng, cho nên chúng tôi chỉ tường thuật cuộc tử đạo của ba vi một lần, sau phần giới thiệu thân thế của cha thánh Martinô Tạ Đức Thịnh.

THÁNH LINH MỤC GIUSE NGUYỄN ĐÌNH NGHI (42)

Cha Giuse Nghi, trước có tên là Giuse Kim, sau khi chịu chức linh mục, đã đổi thành Giuse Nghi. Ngài sinh năm 1771 ở làng Kẻ Vôi, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội, trong một gia đình đạo đức, khá giả; chỉ sa sút nghèo đói sau khi ông cụ qua đời.

Từ nhỏ, tính tình cậu Nghi hiền lành, hơn nữa Chúa cho có trí khôn thông minh. Mẹ đem con cho cha già Liêm, chính xứ Kẻ Vôi, để học La ngữ, và đã thành thầy giảng. Thầy Nghi ở lại giúp cha già Liêm. Ngay từ đó, thầy đã minh chứng có khả năng làm việc giỏi, biết khuyên bảo người ta, nhất là những ai khô khan, kém lòng đạo đức. Thầy Nghi được gọi về học Thần học sớm và thụ phong linh mục năm 1801, vừa chẵn 30 tuổi.

Linh mục trẻ trung được Đức cha Retord Liêu sai về xứ Sơn Miêng một năm, rồi về Kẻ Bạc bốn năm. Sau đó đi giúp cha già Khoan, chính xứ Phúc Nhạc. Với tinh thần chăm chỉ, hơn nữa rất có lòng chung, do đó, ở với ai cũng được kính nể vì ngài trọng kính những vị lớn tuổi và hợp tác trong nhiệm vụ tông đồ. Đức cha bổ nhiệm ngài làm chính xứ Đa Phạn trong mười năm trời, sau đó về chính xứ Kẻ Báng. Ở tư thế chính xứ, ngài có tài quán xuyến công việc cách lanh lẹ và phân xử mọi công việc cách công minh. Cả những việc trần thế trong xã hội, ngài nhận thấy ngay khía cạnh thực tế, do đó dân chúng rất tôn trọng và cảm phục. Người ta đồn thổi, nếu cụ Nghi không đi tu mà ở đời, chắc sẽ làm lớn. Tuy nhiên, ngài rất đề cao công tác mục vụ, siêng năng ngồi toà giải tội cho bất cứ ai, hay bất cứ giờ nào khi có giáo dân xin. Ngài cũng có tài giảng thuyết làm mê các giáo dân. Người ta thuật một câu truyện: Một cụ già 95 tuổi, khô đạo và cứng lòng tin, nhiều người quen biết và cùng tuổi đến thăm nom và khuyên nhủ đều vô ích, sau cùng, phải nhờ đến cha Nghi, vì ngài có nhiều phương thức và nhiều lời lẽ giảng giải giáo lý (43).

Một câu truyện khác: Ở làng Trinh Hà, xứ Đa Phạn, có người Công giáo khi rửa tội mang tên thánh quan thầy, nhưng hoàn toàn không hiểu gì về sự đạo! Hơn nữa, trong nhà còn dựng bàn thờ ông bà ông vải, sống như một người bên lương. Đã không sống theo phép đạo, lại còn nói lộng ngôn, khinh chê đạo thánh, ghét đạo ra mặt. Cha thánh Nghi cũng khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có hiệu quả. Sau cùng, ngài dùng kế tâm lý và rất sâu sắc. Ngài thuê ông

ta coi nhà thờ và trả công đàng hoàng. Coi nhà thờ tức là trải chiếu, quét dọn, chưng hoa, đặt ông ta vào trường hợp phải ra vào nhà thờ luôn mãi, phải nghe giảng, phải nghe đọc kinh liên tục. Ông ta dần dần thấm nhuần đạo lý, dần dần phải suy nghĩ trước cử chỉ giữ đạo của giáo dân, nhất là những người tốt lành, sốt sắng, ông được cảm hoá và sau cùng đã ăn năn trở lại (44).

Đời sống cá nhân của cha Nghi lành mạnh, mực thước và thánh thiện. Cha ăn chay mọi ngày trong Mùa Chay. Quanh năm, ngài ăn chay mỗi tuần ba ngày: thứ Tư, thứ Sáu và thứ Bảy. Cả trong thời kỳ bách hại tôn giáo, ngài phải trốn tránh trong nhà giáo dân. Nhiều lần các thầy giảng xin ngài tạm thời bỏ thói quen ăn chay như thế, để phòng ngừa, trong ngày khốn khó đi lánh nạn hay là chạy trốn, nhỡ bị đói và yếu sức, bấy giờ cha Nghi mới tiết lộ bí mật: sở dĩ ăn chay liên tục là để cầu xin Chúa cho mình hai ơn: để xin Chúa cho được phúc tử đạo và nếu phải bắt, thì bắt ngoài đồng ruộng hay chỗ nào, chứ đừng bắt trong nhà giáo dân, để tránh cho dân làng, họ đạo chỗ ấy, nhất là tránh cho gia đình giáo dân khỏi phải bị tội "oa gia" (chứa chấp). Vì thế trong thời cấm đạo, ngài vẫn giữ trong mình một hai nén bạc, đề phòng khi bị bắt ở nhà giáo dân thì đút lót ngay cho người đến bắt, xin họ đừng làm rầy rà cho chủ nhà và buộc tội cho họ là "oa gia".

VII. THÁNH LINH MỤC PHAOLÔ NGUYỄN NGÂN (45)

Cha thánh Phaolô Nguyễn Ngân, sinh năm 1771, ở họ Cự Khánh, thuộc xã Kẻ Bền, tỉnh Thanh Hoá. Hồi xưa là đồng liêu với cha Nguyễn Đình Nghi, cùng học chủng viện và cùng tuổi. Trong các xứ mà ngài được sai đến phục vụ, có mấy năm ngài làm cha phó cho cha già Nghiêm, chính xứ Phúc Nhạc. Ngài luôn thuyên chuyển trong các họ đạo miền Duyên Mậu, do đó quen nhiều địa sở.

Khi ở Duyên Mậu, ngài bị bệnh sốt, vì thế ngài phải về Nhà chung Vĩnh Trị trị bệnh đến bảy tám năm. Khỏi bệnh rồi, ngài đổi về Trình Xuyên ba năm, sau đó về Kẻ Báng. Cha Ngân rất chịu khó làm việc bổn phận, nhưng lại hơi nóng tính và hay sợ những chuyện bị tầm nã bắt bớ. Ngài nói với giáo dân: hễ khi nào thấy ngài bẳn gắt thì xin các tín hữu tránh xa, đợi khi nào nguôi rồi sẽ tới.

Thời buổi cấm đạo gắt gao, mỗi khi nghe đồn thổi có binh lính đi lục soát thì ngài xin di chuyển đi nơi khác, may mà ngài chịu ở với cha Nghi là chỗ bạn hữu quen biết. Tại đây, ngài bị bắt vì bị một lý trưởng bên lương báo cáo quan Trịnh Quang Khanh, một quan chức khét tiếng ác cảm với Công giáo. Quan quân đã đến vây làng Kẻ Báng hai ngày, nhưng không bắt được đạo trưởng. Ông lý trưởng chỉ điểm cam kết: "*Xin quan lớn nán lại một ngày nữa. Nếu không bắt được đạo trưởng, tôi xin mất đầu*!" (46) Ông ta quả quyết như thế là vì tên nội công đã theo dõi từ ba tháng, đã xoi mói kỹ càng lắm.

VIII. THÁNH LINH MỤC MARTINÔ TẠ ĐỨC THỊNH (47)

Cha thánh Thịnh sinh năm 1760, quê ở Hai Bà, huyện Thanh Trì, Hà Nội, thuộc xứ Kẻ Sét tôn sùng Đức Mẹ Nữ Vương. Hai cụ thân sinh là bổn đạo mới, có tất cả chín người con, cha Thịnh là thứ tám.

Khi lên 18 tuổi, ông bà cố định cho người kết bạn và dân làng đã toan cắt người vào sổ tân binh. Ngài không chịu, xin đi dâng mình cho Chúa để làm linh mục. Trí khôn ngài thông minh sáng suốt, do đó, sau khi đã chịu chức, Đức cha Jacques Longer Gia chọn làm bí thư toà giám mục. Với tư cách thư ký, cha Thịnh tháp tùng Đức cha yết kiến vua Gia Long, dịp nhà vua ra Thăng Long nhận sắc phong. Sau khi vua Gia Long băng hà, hoàng tử Đảm lên nối ngôi, hiệu là Minh Mạng, cũng ra Thăng Long để nhận sắc phong. Đức

cha Longer Gia cùng cha bí thư xin vào triều yết, nhưng nhà vua mang nhiều ác cảm với người Công giáo, không nhận tiếp kiến.

Trong đời sống mục vụ, cha Thịnh có liên hệ nhiều với Phát Diệm. Đức cha cho bài sai trước tiên về giúp xứ Cửa Bạng, rồi sau về Đồng Chuối và Nam Sang trong 21 năm. Ít lâu sau, về xứ Trình Xuyên. Ngài bị lở bên má, rồi lan dần xuống cằm, máu mủ chảy ra hôi hám, nên ngài chỉ còn dâng lễ, chứ không đi thăm viếng các họ đạo. Cơn bách hại gắt gao, cha Thịnh xuống ẩn mình ở Kẻ Báng tại nhà anh Chiền, cháu ông xã Cỏn trong tám tháng, lúc bị bắt, cha đã 80 tuổi.

Ba thánh Linh Mục Nghi, Ngân và Thịnh bị bắt và bị hành quyết

* Chúng tôi đã trình bày ở trên, Kẻ Báng chắc là nơi thuận tiện vì nhiều linh mục thường tìm về đây ẩn náu. Lần này, ba linh mục bị bắt chung tại Kẻ Báng vì một ông lý trưởng bên lương muốn đái tội lập công. Ông lý trưởng biết quan Trịnh Quang Khanh khét tiếng ác cảm với Công giáo, nên đã báo quan đem một ngàn quân binh về bao vây Kẻ Báng. Sau hai ngày không bắt được ai, ông lý trưởng đến xin quan tổng Khanh nán thêm một ngày và cam quyết: nếu không bắt được đạo trưởng nào, ông ta sẵn sàng cho quan chặt đầu.

* Quả thật, hai cụ Nghi và Ngân bị bắt hôm 30-4 và cụ Thịnh vào rạng sáng 01-5. Điệu về Nam Định, ba linh mục bị tống giam hai nơi khác nhau. Cha Ngân và cha Nghi bị giam ở Trại Lá, cũng gọi là trại quan thượng Nam Định; còn cha Thịnh vì bệnh tình, bị giam riêng một nơi khác, cho dầu đã 80 tuổi.

Một tháng sau, Tổng đốc Trịnh Quang Khanh mới gọi ba linh mục lên lấy khẩu cung và hành hạ. Cụ Nghi đứng mũi chịu sào thay cho hai vị kia. Các hình khổ, như lò than hồng, kìm kẹp bày ra trước mắt để hăm doạ… Có hai hình khổ cho cả ba cha là quan bắt các ngài phơi nắng, thường cho đến trưa, không cho uống nước. Hai là

đánh đòn. Hai cụ Nghi và Ngân chỉ bị 40 roi, còn riêng cụ Thịnh, già cả, lại chịu 60 roi. Họ có ý đánh đau cho ba linh mục phải ngã lòng mà thú nhận hay quá khoá. Vỏ quýt dày có móng tay nhọn. Cha già Thịnh bị đòn, nhưng vẫn rất can trường. Ngài không rên xiết, còn tỏ ra tươi tỉnh, vẫn sáng suốt. Tổng đốc Khanh phải thua, lệnh cho binh lính dừng tay, không đánh ngài nữa, nhưng cứ nhục mạ khinh bỉ.

* Cái chí khí kiên cường đó, cha già Thịnh đã sẵn sàng từ hôm đầu tiên. Trước khi bị bắt, vì già yếu và bệnh tật hôi hám, ngài không trốn tránh, cứ nằm ngang nhiên trên võng nhà anh Chiền, cháu ruột thánh Cỏn. Ngài nói với một chị Dòng Mến Thánh Giá giúp người: *"Nếu cha bị bắt và bị người ta hỏi, thì con muốn nói gì thì nói; còn chính cụ cứ giả vờ ốm đau nằm võng".* Một tên lính đi qua, hỏi: *"Ông này là ai?",* chị dòng đáp: *"Đây là ông bố tôi".* Mãi đến khi một tên lính khác hỏi đích danh ngài: *"Ông có phải là đạo trưởng không?".* Bấy giờ, cụ Thịnh trả lời: *"Phải, chính tôi là đạo trưởng"* (48). Ngài lý luận, nếu cứ trốn chạy mãi, thì làm phiền hà cho giáo dân và có khi không vừa ý Chúa.

* Sau khi bắt được và điệu các linh mục đi rồi, binh lính được tự do cướp phá, hôi của, xô đổ những nhà nào có tường đôi, có hầm hố, tiền, thóc và súc vật bị cướp đi. Những vật dụng nặng như bát, đĩa, chum, vại thì tha hồ đập vỡ, chỉ trừ một nỗi là không đốt nhà (49). Quan lệnh cho nam giới trên 15 tuổi phải ra trình làng, một số người lớn tuổi thì bị trói và giam ngồi ngoài sân, giữa trời trong nhiều ngày đêm.

* Trong trại giam, Tổng đốc Trịnh Quang Khanh đòi ba linh mục phải quá khoá. Cha Nghi trả lời thay cho hai vị kia: *"Quá khoá là tội nặng lắm, theo đạo lý Công giáo, làm sao chúng tôi có thể làm điều ấy!".*

Quan còn hỏi thêm: *"Ba vị còn biết đạo trưởng nào khác, thí dụ đạo trưởng Vọng?".* Cụ Nghi thưa: *"Chúng tôi có nghe đạo trưởng*

Cao (Pierre Borie), nhưng ngài đã bị bắt và bị xử. Còn đạo trưởng Vọng giảng đạo bên địa phận Đông, chúng tôi không biết". Vẫn có một anh thợ rèn tại công đường, Tổng đốc Khanh dùng tên thợ rèn để đe doạ, chứ không làm khổ ba cụ. Quan bắt ba cụ quỳ ngoài sân, chịu nắng thiêu đốt, rất khát nước nhưng không được một giọt nước (50).

* Cụ Nghi tính tự nhiên hay sợ khổ, nhưng ở công đường, ngài ý thức trách nhiệm là cựu chính xứ, là "đàn anh", nên rất hiên ngang trả lời các quan chức thay cho anh em, không còn nhát sợ nữa. Cả ba cụ bị tra khảo, đánh đòn, phơi nắng… Các ngài tự an ủi nhau, giải tội và tiếp tục giảng sự trung thành với đức tin cho các bạn tù Công giáo.

* Ngày 14-10-1840, án ba cụ từ Triều đình Huế về đến Nam Định. Khi hay tin, cả ba cụ tĩnh tâm, dọn mình ra trình diện trước mặt Thiên Chúa. Hôm điệu ba cụ ra pháp trường, quan án sát cỡi voi, điều động 500 binh lính tiến ra pháp trường Bảy Mẫu. Ba tên lính nâng cao ba thẻ bài đã viết án xử từng người cắm tại chỗ. Hai cụ Nghi và Ngân đi bộ, còn cụ Thịnh già yếu được binh lính khiêng đi.

Trên tấm thẻ mang án xử ba vị, nhà vua viết: *"Mặc dầu có sắc chỉ cấm đạo Gia Tô, cả ba tên đạo trưởng vẫn coi thường, không sợ phép, không ăn năn. Họ cả lòng giữ đạo và mang theo mình sách đạo, kinh đạo, để âm thầm giữ đạo cách trộm vụng. Họ bị tra tấn nhưng không chịu quá khoá, mê muội, cứng đầu, đáng tội chết, do đó phải trảm quyết"* (51).

Đến pháp trường, ba cụ âm thầm quỳ cầu nguyện. Cụ Nghi giải tội cho cụ Ngân và Thịnh. Sau đó, chính cụ được ban ân xá giải. Binh lính xếp ba cụ thành một hàng ngang, họ cưa gông, tháo xiềng, trói hai tay từng vị về đàng sau lưng và buộc vào cọc. Lệnh hành quyết được thi hành. Lý hình kết liễu cụ Nghi và cụ Ngân bằng một nhát gươm; riêng phần cụ Thịnh phải ba bốn nhát thì đầu mới rơi xuống

đất. Giáo dân tràn vào thấm máu đào tử đạo của ba đấng thánh, cho dầu binh lính hùng hổ ngăn chận.

Xác cha thánh Thịnh thì Thầy giảng Sự, có mặt tại hiện trường, giao cho tín hữu họ Vũ Điện, xứ Nam Định, mang về an táng trong nhà thờ họ. Về sau, sợ bị xúc phạm, cha Ích đã cải táng đưa về Kẻ Sét. Còn xác hai cha thánh Nghi và Ngân thì thầy Sự đưa xuống thuyền chở về Kẻ Báng, nơi hai thánh đã ở trước và được cung kính an táng trong nhà thờ Kẻ Báng. Thánh Nghi táng bên Thánh Thư, còn Thánh Ngân bên phía Phúc Âm (52).

IX. THÁNH THẦY GIẢNG GIOAN B. ĐINH VĂN THANH

1. Thân thế

Thánh Gioan Baotixita Đinh Văn Thanh sinh năm 1796, xuất thân từ làng Nôi Khê, thuộc xứ Hảo Nho, trong một gia đình ngoại giáo. Lịch sử không nói tới thời niên thiếu và thanh xuân của thầy, chỉ ghi nhận: năm 18 tuổi, được ơn Chúa soi sáng, cậu Thanh xin học đạo và được rửa tội ở xứ Phúc Nhạc. Và từ đấy, cậu trung thành, tiến bước. Cậu Thanh đạo đức và khiêm tốn, nên được nhận vào Nhà Đức Chúa Trời, theo học ở Trường Thầy Giảng.

Mãn trường, thầy Thanh được Đức cha sai về giúp cha thánh Phaolô Phạm Khắc Khoan, chính xứ Phúc Nhạc. Bên ngoài, thầy trông ốm yếu, nhưng khi hoạt động, thầy tỏ ra là con người chín chắn, biết lo liệu công việc và có nhiều tài riêng; do đó, cha thánh Khoan phái thầy về làm quản lý trại Đông Biên. Trại này của Nhà chung, nhưng Đức cha đã uỷ cho ông tổng Dụ, người Công giáo lương thiện; ông đứng tên nhận như sở hữu để tránh việc chiếm đoạt trong thời loạn ly, bởi những kẻ bất lương hoặc là những kẻ cậy có quyền thế.

2. Bị bắt

Về những ngày bị bắt giam và xử tử, chúng tôi xin độc giả xem lại đoạn tiểu sử của thánh Linh Mục Phạm Khắc Khoan, vì cha thánh Khoan và hai Thầy giảng Thanh và Hiếu cùng bị bắt chung trong một ngày, cùng bị giam một nơi và cùng bị thi hành bản án chung, dưới đời vua Minh Mạng tại pháp trường Lò Gạch, tỉnh Ninh Bình.

Hôm đó, ngày 24-8-1838, cha già Khoan "đi kẻ liệt" về qua trại Đông Biên, trời đã tối, nên ngủ lại nhà ông tổng Dụ. Sáng sớm cả ba cha con bị ông xã Đông Biên mang binh lính đến vây bắt và điệu về Ninh Bình. Ra trước công đường, khi bị quan tra hỏi, hai Thầy giảng Thanh và Hiếu bao giờ cũng giữ thinh lặng, nhường cho cha Khoan nói trước, rồi hai thầy tiếp lời sau, luôn luôn lặp lại những gì cha Khoan đã nói. Vì thế bị đánh đòn nhiều lần, tuy nhiên với ý chí sắt đá và tuổi trẻ hiên ngang, hai "đầy tớ trung tín" của cha Khoan luôn nhẫn nại chịu đựng, cho dầu thầy Thanh là tín hữu tân tòng. Thầy tỏ ra con người tràn ngập niềm tin sâu xa, trung thành với nguồn ân sủng Chúa ban, không kêu than, không tỏ dấu nào đã bị rung chuyển.

Thấy không thể cảm hoá được hai thầy giảng, quan lớn nghĩ đến phương thế tách hai thầy xa cha thánh Khoan và dùng xảo thuật, nói dối, lừa đảo, hăm doạ sẽ mổ bụng, sẽ đánh dập đầu, nhiều lần phao tin người này, người nọ đã quá khoá, đã vâng lệnh vua, đã đạp Thánh Giá. Các quan còn trưng bằng chứng cụ Duyệt bất hạnh đã bỏ đạo và còn khuyên hai thầy giảng hãy bắt chước ông thánh Phêrô chối Chúa rồi sẽ ăn năn trở lại sau, thời gian còn kịp. Các quan còn phương thức hữu hiệu sau cùng là đánh đòn nhừ tử. Mỗi lần đánh 20 roi, rồi 30 roi. Các quan than thở: Chúng nó trở thành như hòn đá, như súc gỗ (54). Sự kiện giam chung hai thầy giảng đem đến một lợi điểm là trông thấy nhau bị tra tấn, đánh đòn, hai thầy coi đó là một tấm gương trong sáng, nên càng khích lệ nhau thêm can đảm, thêm hăng say nhịn nhục vì đạo. (Tử đạo: xin xem cuộc tử đạo của cha thánh Phaolô Phạm Khắc Khoan).

X. THÁNH THẦY GIẢNG PHÊRÔ LÊ VĂN HIẾU (55)

Về đời sống thầy Lê Văn Hiếu, lịch sử kể lại rất ít, chỉ đề cập thầy sinh năm 1783 ở làng Đồng Chuối, tỉnh Hà Nam, trong một gia đình nông dân thanh đạm. Cụ thân sinh tên là Sồm. Thầy có một người chị tên là Lê Thị Nhung.

Từ nhỏ, tính tình cậu Hiếu hiền lành, hiếu học nên ông cố (cha của cậu Hiếu) cho đi học chữ Nho. Cậu Hiếu siêng năng đi nhà thờ dự lễ và làm bạn với các chú giúp lễ, rồi từ từ trở nên đạo đức. Năm 12 tuổi, cậu Hiếu ngỏ ý với cha mẹ xin đi tu. Hai cụ chỉ có một con trai nên tìm cách ngăn cản, muốn giữ con lại trong gia đình, cho nên đã bàn hỏi với ông chú là người ngoan đạo. Ông chú trả lời cách rất khôn ngoan: *"Việc đó nên tuỳ ở cháu Hiếu, vì là việc do thánh ý Chúa chọn".* Và thật là thánh ý Chúa quan phòng, vì khi cậu Hiếu vào học chủng viện, thì ở nhà hai cụ mãn phần, còn chị Nhung đi lập gia đình.

Cậu Hiếu mồ côi song thân và vắng bóng người chị, nên được hoàn toàn tự do theo Chúa. Vì thế, khi mãn chủng viện, thầy được bề trên sai đi phục vụ nhiều linh mục thừa sai và sau cùng về giúp cha già Khoan, chính xứ Phúc Nhạc, một trong những giáo xứ đầu tiên của Giáo phận Phát Diệm (56).

Phúc Nhạc được tổ chức như vườn nho Chúa vun trồng những ơn thiên triệu, nhờ ảnh hưởng của các linh mục lành thánh soi chiếu; cũng vì thế, Phúc Nhạc trở thành địa điểm mà trong thời bách hại đã lôi kéo sự chú ý theo dõi của quan quân Triều đình. Lúc còn bình sinh, cả khi còn trong cảnh tù ngục, công việc tông đồ của thầy Hiếu là dạy giáo lý, chuẩn bị cho các tân tòng gia nhập đạo; giúp các tín hữu dọn mình xưng tội và rước Chúa, thăm viếng những người đau yếu tật bệnh, chuẩn bị cho các bệnh nhân Công giáo lãnh nhận bí tích Xức dầu thánh.

Sau ngày bị bắt cùng với cha Khoan và thầy Thanh ở Đông Biên, thầy Hiếu bị giải về Ninh Bình, cùng ở một trại giam với hai vị tù nhân đức tin, cùng bị đánh đòn nhiều trận đau đớn, nhưng thầy Hiếu và thầy Thanh bị giam cầm tách biệt với cha Khoan, vì hy vọng hai thầy sẽ nản lòng và dễ bị cám dỗ quá khoá. Dẫu bị binh lính khiêng qua Thập Giá, nhưng thầy Hiếu la lớn, phân phô không đồng ý; tuy nhiên, thầy lợi dụng thời gian bị giam chung với thầy Thanh để nâng đỡ an ủi nhau chịu khó vì danh Chúa. Ai đến thăm, thầy xin giúp lời cầu nguyện cho thầy được diễm phúc tử đạo. Tuy nhiên, lần thứ nhất, thầy Hiếu bị kết án: "giảm giam hậu", nghĩa là can phạm sẽ ở tù cho đến chết. Trong thâm tâm, thầy không được thoả mãn. Do đó, thầy càng ăn chay các ngày thứ Sáu, cầu nguyện, chịu đòn vọt, xin Chúa cho mình được diễm phúc tử đạo thật sự. Lần thứ hai, thầy Hiếu được Chúa nhận lời. Ngày 28-4-1840, thầy cùng bị "trảm quyết" với cha thánh Khoan và thầy Thanh tại pháp trường Lò Gạch, Ninh Bình.

Ngày ra pháp trường, cha già Khoan, thầy Thanh và thầy Hiếu cùng nhau hát kinh "Tạ Ơn: Te Deum", bài ca mừng Alleluia! Làm cho dân chúng lương giáo tụ họp chung quanh vừa ngạc nhiên, vừa xúc động. Đức Hồng y Trịnh Văn Căn, khi tả về ngày ba cha con bị án xử tại pháp trường Lò Gạch, đã giải thích: *"Hôm ấy Chúa đã dùng tay lý hình để nung ba viên gạch đỏ thắm, sáng chói rực rỡ, để xây dựng Thành thánh Giêrusalem trên trời"* (57).

XI. THÁNH THẦY GIẢNG PHÊRÔ NGUYỄN KHẮC TỰ (58)

Về tiểu sử thánh Thầy giảng Phêrô Nguyễn Khắc Tự, chúng ta chỉ biết thầy sinh năm 1811 ở Ninh Bình. Thầy làm thầy giảng vào năm 30 tuổi và được phái đi giúp cố Pierre Borie Cao, và cả thời gian sau khi cố Borie bị bắt năm 1839 (59).

Trong *"Vụ án xin phong Chân Phúc cho Các Vị Tử Đạo tại Việt Nam"* (60), tác giả thuật hoàn cảnh thánh Nguyễn Khắc Tự bị bắt

như sau: Ngày cố Borie Cao rơi vào tay quân lính, bị đối xử tàn tệ, bắt mang gông, bị thoá mạ, tra khảo… Thầy Tự xúc động chảy nước mắt, binh lính trông thấy liền nghi ngờ và bắt luôn thầy Tự. Đưa thầy đến đối diện cố Borie Cao, chúng hỏi: *"Tên này có phải là đầy tớ của ông, phải không?"*. Nhìn thấy chàng thanh niên trai tráng, khỏe mạnh, cố Tự nhìn thấy những hình khổ người ta sẽ bày ra, bắt chịu đựng và ngài tự hỏi không biết người thanh niên này có gan dạ chịu nổi không? Thinh lặng, không trả lời, nhưng cố Borie Cao làm một cử chỉ hết sức chân tình, đầy ý nghĩa theo tâm lý Á đông, ngài cởi chiếc khăn nhiễu đang đội trên đầu, xé ra làm đôi, một phần đội lại cho mình và một phần trao cho thầy Tự, như một gia tài trăn trối để nâng đỡ tinh thần cho thầy. Từ ấy về sau, mỗi khi phải đòn vọt, tra khảo vì Chúa, vì đạo, thầy Nguyễn Khắc Tự hiên ngang đón nhận của di chúc và thầm hứa với cố Borie Cao rằng thầy sẽ kiên trì, trung kiên với chính đạo.

Thầy Phêrô Tự đã thuật lại: *"Sau đó, binh lính khoác vào cổ tôi chiếc gông hết sức nặng, giải tôi về Đồng Hới. Đến nơi, họ mang tôi ra ngay công đường, các quan bắt tôi đạp lên Thánh Giá, tôi không chịu, quan xuống lệnh đánh tôi 20 roi đau đớn, rồi cởi trói bắt tôi quá khoá, tôi vững tâm không chịu. Quan ra lệnh dẫn tôi về ngục (61). Sáng hôm sau, tôi lại bị đem ra công đường tra hỏi:*

- *Anh là "đạo trưởng" hay "đạo đồ"?*

- *Tôi là đạo đồ được bốn năm.*

- *Quê quán tại đâu?*

- *Ở tỉnh Ninh Bình.*

- *Anh gặp ông đạo trưởng này tại đâu?*

- *Thưa tôi gặp ngài trên thuyền và từ lúc đó chúng tôi sống chung với nhau.*

- *Mày nói không thật, quân đâu, đánh cho nó 30 roi.*

Một trận đòn đau đớn, thầy Tự không nói một lời. Rồi quan truyền nhổ nọc, lấy khẩu cung. Làm cách nào thầy Tự cũng anh dũng vẫn chỉ một câu trả lời: *"Tôi không quá khoá!"* Quan án còn bắt tôi khai báo tên tất cả các làng đạo tôi đã đi qua và hứa hẹn, nếu khai, quan sẽ trả tự do và cho tôi về quê quán ngay hôm đó. Tôi cương quyết không chịu, vì thế tôi phải chịu thêm 38 roi đòn nên thân, máu me thấm ra ngoài lênh láng!

Ngày hôm sau, một loạt khẩu cung nữa và lạ thay, sau trận đòn 18 roi, quân lính không nhổ nọc và để tôi nằm dưới đất mãi đến chiều tối."

Thánh Tự còn chịu một trận tra khảo khác thường, quan án nhiều mưu cơ, lúc thật tử tế, lịch thiệp; lúc gằn giọng, có vẻ khiêu khích, doạ nạt, nhằm mục đích duy nhất là dụ dỗ, khuyên bỏ đạo, quá khoá. Nhưng vì thầy Tự vẫn anh dung giữ nguyên lập trường, cho nên quan đã dùng phương pháp quyết liệt, đem thầy giam vào phòng tăm tối chung với rắn rết, sau một trận đòn 40 roi, máu chảy chan hoà. Không có áo thay, thầy Tự nằm trên mảnh đất ẩm ướt, hôi thối. Phải sống chung với rắn rết, nhưng thầy Tự nói: *"Chúa thương, không để rắn rết cắn hại, nó chỉ bò chung quanh, rồi nằm im tại chỗ; mãi sau tôi còn bị đánh 7 roi khủng khiếp, rồi mới được cởi trói"* (62). Chúa thương ban ơn an ủi cho thầy Tự. Mỗi lần bị tra khảo trở về trại giam, thầy Tự được Đức cha Borie Cao, cha Điểm, cha Khoa nâng đỡ tinh thần… Cả ba vị này đều bị quan án nghi là ba cố vấn khích lệ thầy Tự, nên truyền cho quân lính di căn phòng của các đấng đi nơi khác. Ban đầu, thầy lo buồn, tự hỏi, hay là tại mình không còn đẹp lòng Chúa nữa? Nhưng rồi ơn Chúa lại đến: Thầy Tự hạ mình chấp nhận còn phải chịu sự khó nhiều hơn nữa mới đủ! Với những ai đến viếng thăm, thầy khuyến khích họ học thêm giáo lý, kinh nguyện. Còn thời gian nào, thầy đọc kinh, nguyện ngắm riêng, xin anh chị em giáo dân cầu cho mình ơn can đảm cho tới giờ sau hết. Cha Ngân, phó xứ Phúc Nhạc, đã cải trang vào ngục giải tội và kiệu Mình Thánh cho thầy Tự hai lần.

Sau mười tám tháng tù tội, vua Minh Mạng đã chuẩn y án xử giảo thầy Phêrô Nguyễn Khắc Tự. Bị điệu đến pháp trường Đồng Hới, thầy Tự hỏi thăm nơi đã xử Đức cha Borie Cao và thầy xin được xử ngay tại địa điểm đã xử thầy của mình. Mấy giáo dân theo tiễn chân, thấy lý hình trói chân tay thầy Tự, tròng giây vào cổ, rồi hai bên, bốn người lính cầm giây kéo mạnh, thật chặt, kéo đi kéo lại cho tới khi nghẹt thở. Thầy Phêrô Tự an nghỉ trong Chúa ngày 10-7-1840 tại pháp trường Đồng Hới.

KẾT LUẬN

Xin thú thật với độc giả, như một người Công giáo Việt Nam thường quan tâm theo dõi tình hình Giáo hội, chúng tôi nhận thấy, từ trước tới nay, số tín hữu Công giáo mỗi năm được tăng thêm lên. Không những các trẻ em sơ sinh được lãnh bí tích Rửa tội, mà còn có nhiều anh chị em dự tòng theo đạo Công giáo. Có lần chúng tôi được đọc một bảng thống kê ghi hơn 4.000 người chịu phép Thánh tẩy tại Sài Gòn (Tp. Hồ Chí Minh) trong một năm.

Trước đây, chúng tôi chưa tìm ra lý do để giải thích, nhưng từ năm 1985, sau khi được Đức Hồng y Trịnh Văn Căn, Tổng Giám mục Hà Nội, nhân danh Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam, trao trách nhiệm "cáo thỉnh viên" vụ án xin Toà Thánh tuyên thánh cho 117 Vị Chân Phúc Tử Đạo tại Việt Nam, chúng tôi đã tìm ra lý do chính xác. Đó là *"Máu các Thánh Tử Đạo là hạt giống phát sinh nhiều Kitô hữu"* (Thần học gia Tertullianus).

Yếu tố tăng thêm giáo dân là niềm tin sắt đá của con cháu các Thánh Tử Đạo. Theo truyền thống, người Việt Nam rất tôn kính tổ tiên, ông bà. Các Thánh Tử Đạo là tiên nhân, ông bà, cha mẹ của các tín hữu Việt Nam chúng ta. Theo lịch sử, có khoảng 130.000 vị nam phụ lão ấu là tín hữu Công giáo đã ngã gục trong các đợt sát hại người Công giáo do Phong trào Văn Thân phát động. Tuyệt đại đa số các vị chết vì đạo này chưa được Giáo hội tuyên thánh. Tuy nhiên, ngày 19 tháng 6 năm 1988, Giáo hội cũng đã chính thức

nâng 117 vị Chân Phước Tử Đạo tại Việt Nam lên hàng hiển thánh. Các vị thánh ấy đã bị vua quan bắt giam và bị xét xử công khai với bản án tử hình.

Trong số 117 vị Thánh được tôn phong có:

- 21 vị người ngoại quốc, bao gồm: 8 giám mục (2 Pháp, 6 Tây Ban Nha), 13 linh mục thừa sai,

- 96 vị là người Việt Nam, bao gồm: 37 linh mục Việt Nam, 14 thầy giảng, 1 chủng sinh và 44 giáo dân.

Nếu kể cả thầy giảng Anrê Phú Yên thì con số sẽ là 118 vị.

Trên bảng vàng các thánh, Giáo phận Bùi Chu đã dâng hiến 26 vị Thánh Tử Đạo, Giáo phận Hà Nội: 16 vị, Giáo phận Phát Diệm: 11 vị…

Tất cả các vị đã anh dũng dâng mạng sống để kiên cường bảo vệ đức tin và đã trở thành những ngọn đèn chiếu sáng cho tương lai Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Đối với cộng đoàn giáo hữu Giáo phận Phát Diệm, tấm gương 11 vị Thánh Tử Đạo của giáo phận là cả một kho tàng quý báu còn đó để luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải sống đời tốt lành, không những là giáo dân trung kiên, dũng cảm trong đức tin, mà còn là những công dân gương mẫu giữa mọi giới đồng bào chung quanh chúng ta.

Chú thích:

(1) Bibliotheca Sanctorum: *chữ "Lê Thị Thành (Bà Đê) Agnese".*

Launay: *La vénérable Agnès Lê Thị Thành Bà Đê" trong "Les Vénérables Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois,* Paris, 1907, trang 273-279.

Mons. Prof. Carlo Alotti: *"Agnes Lê Thị Thành Bà Đê" trong I nuovi Martini Annamiti e Cinesi*, Roma, 1909, trang 182-186.

Truyện Cố Thánh Ven… Bà Thánh Đê, Kẻ Sở, 1909, tr 317-332.

(2) *Sommaires des Procès Apostoliques*, trang 541-563.

(3) *Truyện Cố Thánh Ven… Bà Thánh Đê,* trang 317.

(4) Hai con trai tên Đê và Tân; bốn con gái tên Thu, Nam, Nhiên và Nụ. A. Launay, "La vénérable Agnès Lê Thị Thành Bà Đê" trong *Les vénérables Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, 1907, trang 274.

(5) Các linh mục: Kim, Thành, Khoan và Ngân; hai thừa sai Berneux (Nhân) và Galy (Lý).

(6) A. Launay, *Les 35 Vénérables Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, 1907, trang 277-279.

(7) *Truyện Cố Thánh Ven: Bà Thánh Đê*, Kẻ Sở, 1909, trang 326.

(8) Như trên, trang 326.

(9) Như trên, trang 327.

(10) *Sử lược 117 Á Thánh Anh Hùng Tử Đạo Việt Nam*, Huế, 1965, trang 8.

(11) A. Launay: *La vénérable Agnès Lê Thị Thành Bà Đê* trong *Les vénérables Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, 1907, trang 169-190.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Thánh Phêrô Phanxicô Néron trong Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, trang 606-616.

Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, *Giáo hội Việt Nam*, Tập II: 21 Thánh Thừa Sai Tử Đạo, Roma, 1991, trang 203-213.

(12) Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, *Giáo hội Việt Nam*, Tập II: 21 Thánh Thừa Sai Tử Đạo, Roma, 1991, trang 206.

(13) Như trên, trang 213.

(14) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 397-406.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 1-9.

(15) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 23-35.

(16) (17) (18) (19) (20) *Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo*, Hà Nội, 1931, trang 5-7.

(21) (22) (23) Như trên, trang 8.

(24) A. Launay, Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois, Paris, Tequi, 1893, trang 406.

(25) *Truyện Cố Thánh Ven: Cụ Hưởng*, Kẻ Sở, 1909, tr 205-237.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 457- 467.

(26) *Truyện Cố Thánh Ven: Cụ Hưởng, Kẻ Sở*, 1909, trang 224.

(27) Như trên, trang 225.

(28) Như trên, trang 225.

(29) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 468.

(30) Như trên, trang 468.

(31) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 357-370.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 67-79.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 121-152.

(32) (33) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam, Thánh Phaolô Phạm Khắc Khoan,* đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 125.

(34) (35) (36) (37) *Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo*, Hà Nội, 1931, trang 70-72.

(38) Như trên, trang 73-75.

(39) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 363-365.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 75-77.

(40) *Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo*, Hà Nội, 1931, tr 77-78.

(41) Như trên, trang 78-79.

(42) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 329-331.

(43) (44) *Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo*, Hà Nội, 1931, trang 100-101.

(45) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 331-335.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 102-103.

(46) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 151.

(47) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Francaise-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 335-339.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 103-113.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 141-144.

(48) *Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo*, Hà Nội, 1931, trang 108.

(49) Như trên, trang 107.

(50) Như trên, trang 109.

(51) Như trên, trang 112.

(52) như trên, trang 113.

(53) A. Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893, trang 373-376.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 83-87.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 215-217.

(54) A. Launay, Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois, Paris, Tequi, 1893, trang 374.

(55) A. Launay, Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois, Paris, Tequi, 1893, trang 377-380.

Hai Mươi Đấng Thánh Tử Vì Đạo, Hà Nội, 1931, trang 80-83.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 212-214.

(56) Đầu tiên Hảo Nho như mẹ sinh ra Bạch Bát, Phúc Nhạc, ăn suốt từ Hảo Nho đến khắp cả vùng Kim Sơn. Kim Sơn hồi ấy còn đang là đất tân bồi.

(57) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 214.

(58) A. Launay, Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois, Paris, Tequi, 1893, trang 199-203.

(59) V. Trần Ngọc Thụ, *Giáo hội Việt Nam*, quyển II, tr 120.

(60) A. Launay. Ibidem, trang 199.

(61) Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo ở Việt Nam: Thánh Phêrô Nguyễn Khắc Tự*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, trang 223.

(62) Như trên, trang 224-225.

SÁCH THAM KHẢO

Thư mục ngoại ngữ

Alexandre de Rhodes, *Historia Tunquinensis*, Libri Duo, Imprimerie de Kẻ Sở, 1920.

Lieutenant Colonel Bonifacy, *Les débuts du Christianisme en Annam, des origines au commencement du 18è siècle*, Hà Nội.

Bertrand Cothonay, OP., *Les 26 Martyrs des Missions Dominicains du Tonkin béatifiés par S.S. Leon XIII*, Lethielleux, Paris, 1906.

Andrien Launay, *Les 52 Serviteurs de Dieu Français-Annamites-Chinois*, Paris, Tequi, 1893.

Andrien Launay, *Mgr Retord et Le Tonkin Catholique*, 2è édition, Lyon, 1919.

Le Clergé Tonkinois et Ses Prêtres Martyrs, Các Cụ Thánh Bắc Kỳ, Cầu Cho Chúng Tôi, Quinze Bienheureux Prêtres Tonkinois Martyrs, Béatification de 1900 et 1909, MEP., Paris, 1924.

Nicole Dominique Lê, *Les Missions Etrangères et La Pénétration Francaise au Vietnam*, Mouton, Paris, La Haye, 1975.

E. Hannecart, *Un Grand Français: Mgr Pigneau de Béhaine*, Paris, 1933.

Charles Lesserteur, *Les Premiers Prêtres Indigènes de l'Eglise du Tong-King*, Lyon, 1883 (Extraits des Missions Catholiques).

Gérard Moussay – *Brigitte Appavou, État de la Société des Missions Etrangères de Paris, Ordre Alphabétique, Etudes et Documents*, No. 4, Archives des Missions Etrangères de Paris, Église d' Asie, Paris, 1998.

A. Olichon (Mgr), *Le Père Six, Baron de Phat Diem*, Éditions Blon-Gay, Paris, 1935.

G.B. Nguyễn Bá Tòng (Mgr), *Le Père Six, Curé et Baron de Phát Diệm, Vice Roi d'Annam*, Conférence donné à Hà Nội, Nam Định et Hải Phòng, Hà Nội, 1938.

G.B. Nguyễn Bá Tòng (Mgr), *Autour des Fêtes du 3 Décembre 1940 à Phát Diệm, Sacré de Mgr J.M. Phùng et remise de décoration à Mgr J.B. Tòng*, Hà Nội, 1940, 72 trang.

Thư mục Việt ngữ

Hai Mươi Hai Đấng Thánh Tử Đạo (Địa Phận Tây Đàng Ngoài), in lần thứ 3, Hà Nội, Trung Hoà thiện bản, 1931.

Toà Giám Mục Phát Diệm, *Nhà Thờ Lớn Phát Diệm*, 1999.

Nhóm Nghiên Cứu Linh Đạo Mến Thánh Giá, *Hành hương Xuyên Việt*, Saigon, 2001.

Hội Dòng Mến Thánh Giá, *25 Năm Sinh Hoạt tại Hoa Kỳ (*1975-2000), Los Angeles, CA., USA., 2000.

Đức Hồng Y Trịnh Văn Căn, *Các Thánh Tử Đạo Việt Nam*, đánh máy chữ, lưu hành nội bộ, Hà Nội, 1987-1988.

Công giáo Và Dân Tộc, *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*, 1996.

Lm. Trần Anh Dũng, Chủ biên, *Hàng Giáo Phẩm Công giáo Việt Nam (1960-1995)*, Đắc Lộ Tùng thư phát hành, Paris, 1996, 546 trang.

Lm. Luca Hùng Sỹ, *Trăm Năm Phát Diệm* (Hồi ký viết tay), 19/4/1901-2001.

Lm. Trần Phúc Long, Chủ biên, *Kỷ Yếu Phát Diệm* (1981-1991) Long Beach, CA, USA, 1992.

Lm. Trần Phúc Long, Chủ biên, *25 Giáo Phận Việt Nam*, Tập I, Costa Mesa, CA, USA, 1995.

Trà Lũ, *Đất Quê Ngoại*, Hoa Lư, Canada, 2001.

Lm. Vinh Sơn Trần Ngọc Thụ, *Giáo hội Việt Nam*, Tập II, 21 Thánh Tử Đạo Thừa Sai, Roma, 1991.

Lm. Đinh Thực, *Quá Trình Thực Hiện Nếp Sống tu trong lòng Dân Tộc*, Saigon, 34 trang.

Lm. Phaolô Vàng, *Cuộc Hành Trình Roma: Đức Thầy G.B. Nguyễn Bá Tòng, Giám Mục Tiên Khởi Việt Nam*, Tân Định, 1934, 469 trang.

Hoàng Xuân Việt, *Phát Diệm, Một Kỳ Quan Quốc Tế*, bản đánh máy, Thành phố Hồ Chí Minh, 1991.

Lm. Nguyễn Duy Vi, *Việt Nam Công giáo Niên Giám 1964*, Tủ Sách Sacerdos, Saigon, 1964.

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU của ĐứcTGM Giuse Nguyễn Năng.....3
LỜI GIỚI THIỆU của Ban Truyền thông Phát Diệm.....5
LỜI DẪN NHẬP 15
CHƯƠNG NHẤT – NHỮNG BƯỚC ĐƯỜNG THIÊN ĐỊNH 17
Thiên nhiên và những người con ưu tú đất Ninh Bình……17
Công cuộc khai nguyên miền đất Phát Diệm 21
Ngôi nhà thờ thứ nhất ở Đàng Ngoài……..23
CHƯƠNG HAI – VIỆC THÀNH LẬP GP PHÁT DIỆM.....33
Sơ lược Giáo phận Đàng Ngoài.....33
Việc thành lập Giáo phận Phát Diệm……..35
Phát Diệm lúc ban đầu.....41
CHƯƠNG BA – NHỮNG CƠ SỞ CẦN THIẾT.....47
Quần thể Thánh đường Phát Diệm – Cụ Sáu Trần Lục.....47
Tiểu Chủng viện Thánh Phaolô tại Phúc Nhạc 83
Trường Thử 94
Bệnh viện Phu Vinh.....97
Dòng Mến Thánh Giá Phát Diệm……99
Đại Chủng viện Thánh Giuse tại Thượng Kiệm.....116
Trường Trần Lục 124
Đan viện Châu Sơn.....125
Nhà Phát Diệm tại Roma (Foyer Phat Diem).....128
CHƯƠNG BỐN – CÁC GIÁM MỤC GP PHAT DIỆM.....138
Đức Giám mục Alexandre J.P. Marcou Thành 150
Đức Giám mục Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng.....163
Đức Giám mục Gioan Maria Phan Đình Phùng.....188
Đức Giám mục Anselmô Tađêô Lê Hữu Từ 191
Đức Giám mục Phaolô Bùi Chu Tạo.....204
Đức Giám mục Giuse Lê Quý Thanh.....215
Đức Giám mục Giuse Nguyễn Thiện Khuyến.....218
Đức Giám mục Giuse Nguyễn Văn Yến 221

CHƯƠNG NĂM – CÁC CHA CHÍNH-CÁC LINH MỤC THỪA SAI-CÁC LINH MỤC VN- CÁC THẦY GIẢNG……...229
Các cha chính 229
Các linh mục thừa sai 233
Các linh mục Việt Nam 236
Các thầy giảng 246
CHƯƠNG SÁU – CÁC GIÁO XỨ GP PHÁT DIỆM..... 251
Tổng quát về tài liệu và quá trình thành lập các giáo xứ..... 251
Xứ Bạch Liên..... 254
Xứ Tôn Đạo 258
Xứ Trì Chính 260
Xư Hảo Nho..... 261
Xứ Ninh Bình 262
Xứ Bình Sa 264
Xứ Bình Hải..... 265
Xứ Khoan Dụ..... 267
Xứ Yên Bình..... 268
Xứ An Ngải 269
Xứ Yên Vân..... 270
Xứ Đồng Chưa..... 272
Xứ Hướng Đạo 273
Xứ Khiết Kỷ 274
Xứ Văn Hải..... 275
Xứ Phát Diệm 284
Xứ Vô Hốt 286
Xứ Cách Tâm..... 287
Xứ Dưỡng Điềm 289
Xứ Hoà Lạc 291
Xứ Lãng Vân 292
Xứ Phúc Lai..... 296
Xứ Như Sơn..... 298
Xứ Hiếu Thuận 298
Xứ Bình Hải..... 299

Xứ Sào Lâm 301
Xứ Cồn Thoi 302
Xứ Tùng Thiện 303
Xứ Hoài Lai 303
Xứ Bình Hoà 303
Xứ Tam Châu 304
Xứ Gia Lạc 304
Xứ Phúc Nhạc 305
Xứ Yên Liêu 306
Xứ Nam Biên 306
Xứ Yên Vân 307
Xứ Phúc Hải 308
CHƯƠNG BẢY – CÁC THÁNH TỬ ĐẠO GP PHÁT DIỆM
Thánh Nữ Anê Lê Thị Thành (Bà Thánh Đê) 312
Thánh Linh mục Phêrô Phanxicô Néron Bắc 320
Thánh Linh mục Gioan Đạt 321
Thánh Linh mục Lorensô Nguyễn Văn Hưởng 324
Thánh Linh mục Phaolô Phạm Khắc Khoan 331
Thánh Linh mục Giuse Nguyễn Đình Nghi 339
Thánh Linh mục Phaolô Nguyễn Ngân 341
Thánh Linh mục Martinô Tạ Đức Thịnh 342
Thánh Thầy giảng Gioan Baotixita Đinh Văn Thanh 346
Thánh Thầy giảng Phêrô Lê Văn Hiếu 347
Thánh Thầy giảng Phêrô Nguyễn Khắc Tự 349
SÁCH THAM KHẢO 358
MỤC LỤC 361